**NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I, NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ 12**

**PHẦN I: TRẮC NGHIỆM:**

**BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ**

**MỨC 1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào?

A. Điện Biên. B. Hà Giang. C. Cao Bằng. D. Lào Cai.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Tây của nước ta thuộc tỉnh nào?

A. Lai Châu. B. Lào Cai. C. Sơn La. D. Điện Biên.

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Nam của nước ta thuộc tỉnh nào?

A. Kiên Giang. B. An Giang. C. Bạc Liêu. D. Cà Mau.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết điểm cực Đông nước ta thuộc tỉnh nào?

A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa. D. Ninh Thuận.

Câu 5. Căn cứ Atlat Địa lí VN trang 4- 5, cho biết nước ta tiếp giáp vớinhững quốc gia nào trên đất liền?

A. Trung Quốc, Lào, Campuchia. B. Trung Quốc, Lào.

C. Trung Quốc, Campuchia, Mianma. D. Lào, Campuchia, Thái Lan.

Câu 6. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết nước ta có đường biên giới dài nhất với nước nào?

A. Trung Quốc. B. Lào. C. Campuchia. D. Thái Lan

Câu 7. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết nước ta có đường biên giới ngắn nhất với nước nào?

A. Trung Quốc. B. Lào. C. Thái Lan. D.Cam pu chia.

Câu 8. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh (thành phố) nào sau đây của nước ta có đường biên giới vừa tiếp giáp với Lào, vừa tiếp giáp với Campuchia?

A. Gia Lai B. Kon Tum C. Điện Biên D. Bình Phước.

Câu 9. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang4– 5, hãy cho biết tỉnh nào của nước ta có chung biêngiới với Trung Quốc và Lào?

 A. Lai Châu. B. Điện Biên. C. Sơn La. D. Lào Cai.

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh tiếp giáp với Trung Quốc

A. 5. B. 6. C. 7. D. 8

Câu 11. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây không giáp Trung Quốc?

A. Lai Châu B. Cao Bằng C. Sơn La D. Lạng Sơn.

Câu 12. Căn cứ vào Atlat trang 4-5 cho biết vùng biển của nước ta tiếp giáp với vùng biển của bao nhiêu quốc gia?

A. 6 B. 7 C. 8 D.9

Câu 13. Biển Đông có bao nhiêu quốc gia ven biển ?

A. 6 B. 7 C. 8 D.9

Câu 14. Căn cứ vào Atlat trang 4-5, cho biết quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào?

A. Quảng Nam B. Đà Nẵng C. Quảng Ngãi D. Khánh Hòa

Câu 15. Căn cứ vào Atlat trang 4-5, cho biết Đảo Cái Bầu thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Quảng Ninh B. Hải Phòng C. Thái Bình D. Nam Định

Câu 16. Căn cứ vào Atlat trang 4-5, cho biết Đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Kiên Giang B. Cà Mau C. Bạc Liêu D. Sóc Trăng

Câu 17. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết huyện đảo Phú Quý thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Quảng Trị. B. Quảng Ngãi. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.

Câu 18. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết huyện đảo Lý Sơn thuộc tỉnh nào của nước ta ?

A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.

Câu 19. Căn cứ vào Atlat trang 4-5, cho biết đường bờ biển của nước ta kéo dài từ

A. Móng Cái đến HàTiên. B. Lạng Sơn đến Đất Mũi.

C. Móng Cái đến Cà Mau. D. Móng Cái đến Bạc Liêu.

Câu 20. Căn cứ vào Atlat trang 4-5, cho biết tỉnh nào của nước ta vừa tiếp giáp với Trung Quốc trên đất liền và trên biển?

A. Lạng Sơn B. Hải Phòng C. Quảng Ninh. D. Cao Bằng.

Câu 21. Căn cứ vào Atlat trang 4-5, cho biết tỉnh nào của nước ta vừa tiếp giáp với Cam-pu-chia trên đất liền và trên biển?

 A. Cà Mau B. Kiên Giang. C. An Giang. D. Đồng Tháp.

Câu 22. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết thành phố trực thuộc Trung ương nào sau đây không giáp biển Đông?

 A. Hải Phòng. B. Đà Nẵng. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Cần Thơ.

Câu 23. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển Đông?

 A. 26. B. 27. C. 28. D. 29

Câu 24. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

A. Bình Thuận B. Tây Ninh C. Bình Phước D.Lâm Đồng

Câu 25. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 25, cho biết cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt -Lào :

A. Lao Bảo     B. Lào Cai C. Mộc Bài             D. Vĩnh Xương

Câu 26. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh, thành phố nào của nước ta?

A.Khánh Hòa, Đà Nẵng. B.Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

C.Quảng Ngãi, Đà Nẵng. D.Đà Nẵng, Khánh Hòa.

Câu 27. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang4– 5, hãy cho biết Việt Nam có biên giới cả trên đất liền và trên biển với quốc gia nào?

A. Trung Quốc, Lào.     B. Lào, Campuchia.    C. Trung Quốc, Campuchia.  D. Thái Lan, Campuchia.

Câu 28. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang4– 5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường biên giới trên đất liền và biển?

A. Điện Biên, Kiên Giang B. Kiên Giang, Khánh Hòa

C. Quảng Ninh, Kiên Giang D. Quảng Ninh, Điện Biên

Câu 29. Phát biểu nào sau đây *không đúng* về vị trí địa lí của nước ta?

A. Tiếp giáp với Biển Đông rộng lớn. B. Thông ra Đại Tây Dương qua các eo biển.

C. Nằm ở rìa đông của bán đảo Đông Dương. D. Nằm gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

Câu 30. Theo công ước quốc tế về luật biển năm 1982, vùng biển nước ta gồm có mấy bộ phận ?

A. 3 B. 4 C. 5 D.6

Câu 31. Theo công ước quốc tế về luật biển năm 1982, vùng biển nước ta gồm có những bộ phận nào?

A. Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.

B. Đảo, quần đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.

C. Đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.

D. Quần đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa.

Câu 32. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm

A.vùng đất, vùng hải đảo, thềm lục địa. B. vùng đất liền, vùng hải đảo, vùng trời.

C. vùng đất, vùng biển, vùng núi. D.vùng đất, vùng biển, vùng trời.

Câu 33. Lãnh thổ nước ta có

A.nhiều đảo lớn nhỏ ven bờ B. vùng đất rộng hơn vùng biển.

C. vị trí nằm ở vùng xích đạo. D. lãnh thổ rộng và kéo dài.

Câu 34. Vùng đất của Việt Nam bao gồm

A. toàn bộ phần đất liền và các đảo. B. toàn bộ phần đất liền và quần đảo.

C. toàn bộ phần đất liền và các hải đảo. D. toàn bộ phần đất liền, đảo và quần đảo.

Câu 35. Phát biểu nào sau đây không đúng về vị trí địa lí của nước ta?

A. Ở trung tâm bán đảo ĐôngDương. C. Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.

B. Tiếp giáp với Biển Đông. D. Trong vùng nhiều thiên

**Câu 36:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích lớn nhất?

A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 37: Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta nằm xa nhất về phía nam?

 A. Trà Vinh. B. Cà Mau. C. Vĩnh Long. D. Bến Tre.

**MỨC 2. CÂU HỎI THÔNG HIỂU**

Câu 1. Theo công ước quốc tế về luật biển năm 1982, vùng đặc quyền kinh tế là

A. vùng biển tiếp liền với lãnh hải, có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

B. vùng biển tiếp liền lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

C. vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải, hợp với vùng tiếp giáp lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

D. vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

Câu 2. Nhận định không đúng về vùng đặc quyền kinh tế của nước ta?

A. Vị trí tiếp liền với lãnh hải. B. Rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.

C.Hoạt động theo luật biển năm 1982. D. Được xem như bộ phận trên đất liền.

Câu 3. Vùng biển được xem là một bộ phận lãnh thổ trên đất liền là

A. nội thủy B. lãnh hải C. tiếp giáp lãnh hải D. đặc quyền kinh tế.

Câu 4. Vùng biển, Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, nhưng vẫn để cho các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền đi lại mà không gây hại là

A. nội thủy B. lãnh hải C. vùng tiếp giáp lãnh hải D. vùng đặc quyền về kinh tế.

Câu 5. Nội thủy là

A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

B. có chiều rộng 12 hải lí.

C. tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.

D. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.

Câu 6. Vùng biển có ranh giới ngoài là biên giới quốc gia trên biển là

A. Lãnh hải. B. Đặc quyền kinh tế. C. Nội thủy. D. Tiếp giáp lãnh hải.

Câu 7. Vùng biển được quy định để đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền quốc gia trên biển là vùng nào?

A. Nội thủy B. Lãnh hải C. Tiếp giáp lãnh hải D. Thềm lục địa.

Câu 8. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển là vùng

A. Lãnh hải. B. Tiếp giáp lãnh hải C. Đặc quyền kinh tế. D. Thềm lục địa.

Câu 9: Vùng tiếp giáp lãnh hải của biển nước ta

 A. là phần ngầm ở dưới đáy biển. B. mở rộng không giới hạn dưới biển.

 C. ở phía ngoài lãnh hải rộng 12 hải lý. D. được xem như bộ phận của đất liền.

Câu 10. Hình dạng lãnh thổ kéo dài của nước ta là nguyên nhân

A. làm cho thiên nhiên từ Bắc vào Nam của nước ta có sự phân hóa.

B. làm cho thiên nhiên từ Bắc vào Nam của nước ta khá đồng nhất.

 C. tạo ra sự phân hoá rõ rệt về thiên nhiên từ đông sang tây.

D. làm cho thiên nhiên nước ta có sự phân hoá theo độ cao địa hình.

Câu 11. Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

A.tổng bức xạ trong năm lớn. B . khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

C . hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. D . nền nhiệt độ cả nước cao.

Câu 12. Nước ta có đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới là do

A. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

B. ở khu vực hoạt động của gió mùa Châu Á.

C. chịu tác động thường xuyên của gió tín phong.

D. tiếp giáp biển Đông thông ra Thái Bình Dương.

Câu 13. Điều kiện nào quan trọng nhất để nước ta có thể mở rộng giao lưu với các nước trên thế giới?

A. Có đường biên giới trên đất liền dài, tiếp giáp với nhiều quốc gia.

B. có vị trí cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á biển đảo.

C. Nằm trên ngã tư của đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng.

D. có các nét tương đồng về văn hóa và lịch sử các nước láng giềng.

Câu 14. Điều kiện nào quan trọng nhất để nước ta có khả năng chung sống hòa bình và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á?

A. Có đường biên giới trên đất liền dài.

B. Có các cảng biển và sân bay quốc tế.

C. Có các nét tương đồng về văn hóa và lịch sử.

D. Có vị trí cầu nối giữa Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo.

Câu 15. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến ở Bắc bán cầu nên

A. có nền nhiệt cao. B. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

C. khí hậu có 4 mùa rõ rệt. D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Câu 16. Nguyên nhân chủ yếu quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là

A. hình dạng lãnh thổ B. địa hình chủ yếu là đồi núi

C. vị trí địa lí D. tiếp giáp biển Đông.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên Việt Nam là

A. địa hình. B. vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ.

C. đất đai. D. khí hậu.

Câu 18. Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản là do

A. vị trí tiếp giáp với Biển Đông.

B. vị trí liền kề với vành đai sinh khoáng.

C. vị trí trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật.

D. nằm trong khu vực gió mùa Châu Á điển hình nhất thế giới.

Câu 19. Về mặt văn hóa - xã hội, vị trí địa lí đã tạo điều kiện để nước ta

A. thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

B. chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị với các nước trong khu vực.

C. giao lưu với các nước xung quanh nhiều loại hình vận tải.

D. đẩy nhanh tốc độ và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 20. Về kinh tế, vị trí địa lí đã tạo điều kiện thuận lợi để nước ta

A. mở cửa, hội nhập, thu hút đầu tư. B. chung sống hòa bình với các nước.

C. khai thác, sử dụng tài nguyên. D. giao lưu văn hóa với các nước.

Câu 21. Vị trí địa lí nước ta có lợi thế lớn nhất đối với việc mở rộng giao lưu là

A. Nằm gần trung tâm Đông Nam Á. B.Nằm trên tuyến hàng hải quốc tế.

C. Cửa ngõ để vào khu vực Đông Dương. D. Cầu nối giữa lục địa Á-Âu và thông ra biển Đông

Câu 22. Thứ tự các vùng biển của nước ta từ bờ ra như sau (không kể thềm lục địa) là

A. Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế

B. Nội thủy, vùng tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế

C. Nội thủy, vùng đặc quyền kinh tế, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải

D. Nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng tiếp giáp lãnh hải

Câu 23. Đường biên giới quốc gia trên biển nằm ở vị trí nào sau đây?

A. Cách đường bờ biển 24 hải lý. B. Cách đường cơ sở 12 hải lý về phía biển.

C. Ở ranh giới giữa vùng nội thủy và lãnh hải. D. Nằm rìa đông của vùng tiếp giáp lãnh hải.

**MỨC 3. CÂU HỎI VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Nguyên nhân cơ bản làm cho khí hậu nước ta không khô hạn như các nước cùng vĩ độ do

A. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp với nhiều hệ thống tự nhiên.

B. nước ta nằm gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á.

C. nước ta nằm tiếp giáp với biển, đường bờ biển dài.

D. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

Câu 2. Điều kiện nào sau đây của vùng biển nước ta thuận lợi để phát triển GTVT biển.

A. Có nhiều sa khoáng với trữ lượng công nghiệp.

B. Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có.

C. Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

D. Có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.

Câu 3. Nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô vì.

A. Lãnh thổ hẹp ngang và giáp biển B. Chịu ảnh hưởng của khối khí lạnh

C. Nằm trong vùng hoạt động của gió mùa D. Bán đảo có dòng biển nóng đi qua

**MỨC 4. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO**

Câu 1. Nước ta có

1. Góc nhập xạ tăng dần từ Bắc vào Nam.

2. Lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ.

3. Ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc giảm dần từ Bắc vào Nam.

4. Nền nhiệt tăng và biên độ nhiệt giảm từ Bắc vào Nam.

5. Khí hậu phân hóa theo Bắc - Nam.

Đáp án đúng theo logic nguyên nhân - kết quả là:

A. 2 - 1 - 4 và 3 - 5. B. 2 - 1 và 4 - 3 - 5. C. 2 - 3 - 1 và 4 - 5. D. 2 - 1 và 3 - 4 - 5.

Câu 2: Vị trí địa lí làm cho nước ta phải giải quyết vấn đề kinh tế nào sau đây?

A. Trình độ phát triển kinh tế rất thấp. B.Cạnh tranh gay gắt từ các nước trong khu vực.

C. Nợ nước ngoài nhiều và tăng nhanh. D. Tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định.

Câu 3: Ảnh hưởng của vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đến sông ngòi Việt Nam là

 A. phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.

 B. sông ngắn, dốc, phần lớn có hướng tây bắc – đông nam.

 C. thủy chế theo mùa, diễn biến thất thường, độ dốc lớn.

 D. phần lớn lưu vực nằm ngoài lãnh thổ, nhiều sông lớn.

**BÀI 6: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**

**MỨC 1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao trung bình lớn nhất ở Tây Nguyên ?

A. Đắk Lắk. B. Lâm Viên. C. Kon Tum. D. Mơ Nông

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất Việt Nam?

A. Tây Côn Lĩnh B. Bà Đen C. Phanxipăng. D. Ngọc Lĩnh.

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết vùng núi nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng là

A. Tây Bắc B. Trường Sơn Nam C. Trường Sơn Bắc D. Đông Bắc

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã là vùng núi

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết các cao nguyên Sin Chải, Sơn La, Mộc Châu thuộc vùng núi nào của nước ta ?

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết dãy núi Con Voi nằm kẹp giữa hai con sông nào?

A. Sông Gâm và sông Lô B. sông Hồng và sông Đà

C. sông Mã và sông Cả D. sông Chảy và sông Hồng

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi Phu Luông thuộc vùng núi nào của nước ta?

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi Hoành Sơn thuộc vùng núi nào của nước ta?

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 9. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây nằm ở biên giới Việt - Lào ?

A. Phu Luông B. Pu Sam Sao C. Con Voi D. Tam Điệp

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây nằm ở biên giới Việt-Lào?

A. Phu Luông B. Pu Đen Đinh C. Con Voi D. Tam Điệp

Câu 11. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết trong cánh cung có vị trí gần biển nhất là?

 A. Sông Gâm. B. Ngân Sơn. C. Bắc Sơn. D. Đông Triều.

Câu 12. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết vùng núi Đông Bắc có các cánh cung nào?

A. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Tam Đảo. B. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Tây Cơn Lĩnh.

C. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.D. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Tam Điệp.

Câu 13. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết các đỉnh núi được sắp xếp theo thứ giảm dần độ cao lần lượt là

A. Phanxipăng, , Pu Trà , Phu Luông. B. Phanxipăng, Phu Luông, Pu Trà .

C. Phanxipăng, Pha Luông, Phu Luông. D. Pha Luông, Phanxipăng, Phu Luông.

Câu 14. Căn cứ vào atlat địa lý Việt Nam trang 13, các cao nguyên của vùng núi Tây Bắc là

A. Tà Phình, Lâm Viên, Mộc Châu. B. Kon Tum, Di Linh, Mộc Châu.

C. Tà Phình, Sín Chải, Sơn La. D. Kon Tum, Đắc Lắc, Di Linh.

Câu 15. Căn cứ vào atlat địa lý Việt Nam trang 14, các cao nguyên của vùng núi Trường Sơn Nam là

A. Tà Phình, Lâm Viên, Mộc Châu. B. Kon Tum, Di Linh, Mộc Châu.

C. Tà Phình, Sín Chải, Sơn La. D. Kon Tum, Đắc Lắc, Di Linh.

**Câu 16:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Di Linh?

A. Núi Nam Decbri. B. Núi Lang Bian. C. Núi Braian. D. Núi Chư Pha.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây *không* phải là đặc điểm của địa hình nước ta?

A. Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi.

B. Địa hình nước ta có cấu trúc rất đơn giản.

C. Địa hình nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. Địa hình nước ta chịu tác động mạnh của con người.

Câu 18. Địa hình nước ta có hướng chính là

A. Tây Bắc- Đông Nam. B. Bắc- Nam và vòng cung.

C. Đông- Tây và Tây Bắc D. Tây Bắc- Đông Nam và vòng cung.

Câu 19. Tính trên phạm vi cả nước, địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta chiếm

A. 1% diện tích B. 85% diện tích C. 1/4 diện tích D. 3/4 diện tích

Câu 20. Tính trên phạm vi cả nước, địa hình đồng bằng và đồi núi thấp( dưới 1000m) ở nước ta chiếm

A. 1% diện tích B. 85% diện tích C. 1/4 diện tích D. 3/4 diện tích

Câu 21. Đặc điểm nào sau đây không đúng với cấu trúc địa hình nước ta?

A. Cấu trúc cổ được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại

B. Có sự phân bậc theo độ cao.

C. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

D. Địa hình núi cao chiếm diện tích lớn

**MỨC 2. CÂU HỎI THÔNG HIỂU**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết dãy núi nào sau đây của nước ta có hướng Tây Bắc - Đông Nam?

A. Hoàng Liên Sơn. B. Ngân Sơn. C. Đông Triều. D. Trường Sơn Nam.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng tây bắc - đông nam?

A. Hoàng Liên Sơn. B. Trường Sơn. C. Pu Đen Đinh D. Đông Triều.

Câu 3. Hướng núi cánh cung là đặc điểm nổi bật nhất ở vùng nào của nước ta?

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 4. Hướng núi tây bắc- đông nam, song song và so le nhau là đặc điểm nổi bật nhất ở vùng nào của nước ta?

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 5. Đặc điểm nào là đặc điểm nổi bật của địa hình đồi núi Trường Sơn Bắc của nước ta?

A. Là vùng núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

B. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

C. Là các khối núi cổ và cao nguyên xếp tầng.

D. Địa hình chủ yếu là đồi núi trung bình, cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 6. Đặc điểm nào là đặc điểm nổi bật của địa hình đồi núi Trường Sơn Nam của nước ta?

A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hình bát úp.

B. Là các khối núi đá cổ và cao nguyên xếp tầng.

C. Là vùng núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

D. Địa hình đồi núi trung bình, cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 7. Đặc điểm nào là đặc điểm nổi bật của địa hình đồi núi Đông Bắc ở nước ta?

A. Là vùng núi cao, đồ sộ nhất nước ta. B. Là các khối núi cổ và cao nguyên xếp tầng.

C. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

D. Địa hình đồi núi trung bình, cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 8. Đặc điểm nào là đặc điểm nổi bật của địa hình đồi núi Tây Bắc ở nước ta?

A. Là vùng núi cao, đồ sộ nhất nước ta. B. Là các khối núi cổ và cao nguyên xếp tầng.

C. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

D. Địa hình đồi núi trung bình, cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 9. Đặc điểm nào là đặc điểm nổi bật của địa hình đồi núi Trường Sơn Nam ở nước ta?

A. Là vùng núi cao, đồ sộ nhất nước ta. B. Có sự bất đối xứng giữa 2 sườn Đông và Tây.

C. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

D. Địa hình đồi núi trung bình, cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 10. Đặc điểm nào là đặc điểm nổi bật của địa hình đồi núi Đông Bắc ở nước ta?

A. Là vùng núi cao, đồ sộ nhất nước ta. B. Là các khối núi cổ và cao nguyên xếp tầng.

C. 4 cánh cung mở ra ở phía bắc và Đông, chụm lại ở Tam Đảo.

D. Địa hình đồi núi trung bình, cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây không đúng với vùng núi Trường Sơn Nam?

A. Sườn phía đông dốc, sườn phía tây thoải B. Khối núi ở 2 đầu nâng cao, đồ sộ

C. Có các cao nguyên ba dan tương đối bằng phẳng

D. Địa hình cao nhất cả nước.

Câu 12. Dải đồi trung du rộng nhất nước ta nằm ở

A. đồng bằng duyên hải miền Trung. B. phía bắc và phía tây của đồng bằng sông Hồng.

C. đồng bằng sông Cửu Long. D. các đồng bằng giữa núi.

Câu 13. Dải đồi trung du nước ta thu hẹp ở

A. rìa đồng bằng ven biển miền Trung. B. phía bắc và phía tây của đồng bằng sông Hồng.

C. đồng bằng sông Cửu Long. D. các đồng bằng giữa núi.

Câu 14. Bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở

A. Đông Bắc B. Ven rìa đồng bằng sông Hồng

C. Phía tây đồng bằng Duyên hải miền Trung D. Đông Nam Bộ.

**MỨC 3. CÂU HỎI VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết đặc điểm nào dưới đây đúng về đặc điểm địa hình của vùng núi Trường Sơn Nam nước ta ?

A. Gồm các dãy núi song song và so le nhau. B. Địa hình cao nhất cả nước.

C. Gồm nhiều dãy núi theo hình vòng cung. D. Các khối núi và cao nguyên đồ sộ.

Câu 2. Dạng địa hình caxtơ ở nước ta do tính nào quy định?

A. Tính biển. B. Tính đồi núi. C. Tính phân hóa. D. Tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 3.Biểu hiện đặc điểm địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

A. địa hình chủ yếu là đồi núi . B. Bồi tụ nhanh ở đồng bằng.

C. Nhiều phù sa. D. Chế độ nước theo mùa.

Câu 4. Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp làm cho thiên nhiên nước ta thể hiện rõ nét đặc điểm nào sau đây?

A. thiên nhiên phân hóa theo độ cao B. thiên nhiên phân hóa đa dạng

C. thiên nhiên phân hóa theo bắc nam D. thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 5. Với hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã

 A. làm cho thiên nhiên từ Bắc vào Nam khá đồng nhất.

 B. tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.

 C. tạo sự phân hóa rõ rệt thiên nhiên từ đông sang tây.

 D. làm cho thiên nhiên có sự phân hóa theo độ cao địa hình.

Câu 6: Đại bộ phận lãnh thổ của nước ta nằm trong múi giờ số 7 là do

A. nước ta trải dài nhiều vĩ độ và địa hình phân hóa.

B. lãnh thổ của nước ta trải dài theo chiều Bắc-Nam.

C. nằm trong vùng nội chí tuyến thuộc bán cầu Bắc.

D. kinh tuyến 1050Đ chạy qua lãnh thổ của nước ta.

Câu 7: Nhận định đúng về đặc điểm địa hình vùng thềm lục địa nước ta là

A. thu hẹp ở phía Bắc, mở rộng ở miền Trung và phía Nam.

B. mở rộng ở phía Bắc, thu hẹp ở miền Trung và phía Nam.

C.mở rộng ở phía Bắc và phía Nam, thu hẹp ở miền Trung.

D. thu hẹp ở phía Bắc và phía Nam, mở rộng ở miền Trung.

Câu 8: Khí hậu nước ta không khô hạn như các nước cùng vĩ độ vì

A. nước ta nằm liền kề với 2 vành đai sinh khoáng lớn.

B. ảnh hưởng của biển Đông và các khối khí di chuyển qua biển.

C. nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới Bắc bán cầu.

D. thiên nhiên chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió Tín phong.

Câu 9: Thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng theo chiều vĩ độ là do

A. hình dạng lãnh thổ nước ta kéo dài và hẹp ngang.

B. có đường bờ biển dài, địa hình phân hóa đa dạng.

C. có lãnh thổ mở rộng ở hai đầu, hẹp ngang ở giữa.

D. địa hình phức tạp, lãnh thổ rộng và hẹp ở hai đầu.

Câu 10: Việc thông thương qua lại giữa nước ta với các nước láng giềng chỉ có thể tiến hành thuận lợi ở một số cửa khẩu, chủ yếu là do

 A. thuận tiện cho đảm bảo an ninh, quốc phòng.

 B. phần lớn biên giới nước ta nằm ở miền núi.

 C. phần lớn biên giới chạy theo các đỉnh núi, hẻm núi.

 D. cửa khẩu là nơi có địa hình thuận lợi cho qua lại.

**MỨC 4. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO**

Câu 1. Sự khác biệt giữa các cao nguyên ở vùng núi Tây Bắc và cao nguyên ở vùng Trường Sơn Nam là

A. Các cao nguyên ở vùng núi Tây Bắc cao và rộng hơn các cao nguyên vùng núi Trường Sơn Nam.

B. Vùng núi Tây Bắc có các cao nguyên đá vôi, Trường Sơn Nam có các cao nguyên badan.

C. Các cao nguyên ở Trường Sơn Nam có sườn dốc hơn ở Tây Bắc.

D. Ở Trường Sơn Nam là các cao nguyên xếp tầng, vùng núi Tây Bắc có các cao nguyên badan.

Câu 2. Đặc điểm khác biệt của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là

A. địa hình cao hơn. B. hai sườn núi ít bất đối xứng hơn.

C. sườn núi dốc hơn. D. có nhiều đỉnh núi hơn.

Câu 3. Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là

A. được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sacổ.

B. có cả đất phù sa cổ lẫn đấtbadan.

C. được nâng lên yếu trong vận động Tân KiếnTạo

D. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồngbằng

Câu 4. Lát cắt C - D trong Atlat Địa lí Việt Nam (trang 13) không thể hiện được đặc điểm nào sau đây của vùng núi Tây Bắc?

A. Có nhiều dạng địa hình, độ chia cắtlớn. B. Địa hình cao ở tây bắc, thấp dần về phía đông nam.

C. Có 3 dải địa hình song song theo hướng tây bắc - đôngnam.

D. Có nhiều đỉnh cao trên 2000m, có ngọn núi cao nhất nước.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây của địa hình nước ta tạo thuận lợi chủ yếu cho phát triển thủy điện?

A. Đồi núi thấp và đồng bằng chiếm nhiều diện tích.

B. Cấu trúc cổ được trẻ lại, phân bậc rõ theo độ cao.

C. Hướng núi chính tây bắc - đông nam, vòng cung.

D. Biểu hiện nhiệt đới ẩm gió mùa, bị cắt xẻ nhiều.

Câu 6. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta có cấu trúc địa hình vòng cung là do

 A. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc mạnh và địa hình đá vôi là chủ yếu.

B. thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tác động mạnh đến địa hình của vùng.

C. có nền địa chất vững chắc và vận động Tân kiến tạo nâng yếu.

D. có mối quan hệ với Hoa Nam (Trung Quốc) về cấu trúc địa chất- kiến tạo.

Câu 7. Nước ta có nhiều vùng núi khác nhau chủ yếu do

A. Các quá trình phong hoá và lượng mưa khác nhau ở các vùng

B. vận động nội lực và các quá trình nội lực qua nhiều thời gian.

C. hoạt động của nội lực và ngoại lực khác nhau ở mỗi vùng trên lãnh thổ.

D. nội lực nâng lên và ngoại lực bóc mòn ở các thời kì khác nhau.

Câu 8: Mùa đông ở vùng núi Đông Bắc đến sớm và kết thúc muộn hơn các vùng khác chủ yếu là do

A. phần lớn diện tích vùng là địa hình đồi núi thấp.

B. nhiều đỉnh núi cao giáp biên giới Việt - Trung.

C. các dãy núi có hướng vòng cung, đón gió mùa mùa đông.

D. địa hình có hướng nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

**Câu 9:** Ý nào dưới đây thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa miền núi với đồng bằng nước ta ?

A. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.

B. Những sông lớn mang vật liệu bào mòn ở miền núi bồi đắp, mở rộng đồng bằng.

C. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao hiểm trở.

D. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.

**BÀI 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI (TT)**

**MỨC 1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang 11 , hãy cho biết loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta là

A.đất feralit. B. đất xám trên phù sa cổ. C. đất cát. D. đất phù sa sông

Câu 2. Căn cứ vào atlat trang 11, cho biết loại đất chủ yếu ở ven biển miền Trung là

A.đất cát. B. đất phù sa C. đất mặn. D. đất bạc màu.

Câu 3. Căn cứ vào atlat trang 11, cho biết loại đất chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long là

A.đất cát. B. đất phù sa C. đất mặn. D. đất phèn

Câu 4. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang trang 11, cho biết đất phù sa sông ở ĐBSCL tập trung nhiều nhất ở nơi nào sau đây?

A. Dọc sông Tiền, sông Hậu. B. Ven biển Đông.

C. Ven vịnh Thái Lan D. Ở bán đảo Cà Mau.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang trang 6-7, cho biết Đồng bằng mở rộng ở cửa sông Thu Bồn là

A. Ninh Thuận B. Phú Yên C. Quảng Nam D. Bình Định

Câu 6. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang trang 11, cho biết đất feralit trên đá badan tập trung nhiều nhất ở khu vực đồi núi nào sau đây?

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Nam D. Trường Sơn Bắc.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang trang 11, cho biết đát feralit trên đá vôi tập trung nhiều nhất ở nơi nào sau đây?

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Nam D. Bắc Trung Bộ.

Câu 8. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang trang 6-7, cho biết Đồng bằng Phú Yên mở rộng ở cửa sông

A. Cả. B. Thu Bồn. C. Đà Rằng. D. Mã - Chu.

Câu 9. Đồng bằng nước ta được chia thành 2 loại là

A. đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng ven biển

B. đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng giữa núi

C. đồng bằng ven biển và đồng bằng giữa núi

D. đồng bằng thấp và đồng bằng cao

**MỨC 2. CÂU HỎI THÔNG HIỂU**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat địa lý Việt Nam trang 11 , hãy cho biết đất feralit của nước ta tập trung nhiều nhất ở khu vực địa hình nào của nước ta ?

A.vùng núi cao. B.vùng đồi núi thấp.

C. vùng đồng bằng. D. vùng vúi cao và đồng bằng.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang trang 11, cho biết diện tích đất cát biển ở nơi nào sau đây lớn hơn cả

A. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

B. đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ. C. Bắc Trung Bộ và ĐBSH.

D. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ và Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Đồng bằng châu thổ sông ở nước ta được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên cơ sở

A. vịnh biển sâu, thềm lục địa thu hẹp. B. vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

C. vịnh biển nông, thềm lục địa thu hẹp. D. vịnh biển sâu, thềm lục địa mở rộng.

Câu 4. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long giống nhau về nguồn gốc bồi tụ là

A. vịnh biển nông, thềm lục địa thu hẹp. B. vịnh biển sâu, thềm lục địa mở rộng.

C. vịnh biển sâu, thềm lục địa thu hẹp. D. vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

Câu 5. Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long khác nhau cơ bản là

A. trên bề mặt có những vùng thấp, trũng. B. địa hình thấp, bằng phẳng .

C. có hệ thống đê bao bọc D. đều do sông bồi tụ.

Câu 6. Địa hình đồng bằng Sông Hồng có đặc điểm

A. thấp trũng ở phía Tây, cao ở phía đông B. cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển

C. cao ở phía tây, nhiều ô trũng ở phía đông D. cao ở tây bắc và tây nam, thấp trũng ở phía đông

.Câu 7. Đặc điểm nào không phải là đặc điểm của địa hình đồng bằng sông Hồng?

A. Có đê bao bọc và chia ô. B. Đồng bằng rộng lớn nhất cả nước.

C. Chủ yếu là đất phù sa. D. Có lich sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

Câu 8. Đặc điểm nào không phải là đặc điểm địa hình đồng bằng sông Cửu Long?

A. Có đê bao bọc và chia ô.

B. Rộng lớn, được phù sa bồi tụ hàng năm.

C. Địa hình thấp và bằng phẳng.

D. Có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Câu 9. Đặc điểm nào không phải là đặc điểm của địa hình đồng bằng ven biển?

A. Bị chia cắt mạnh. B. Đất chủ yếu là đất phù sa.

C. Dải ngoài cùng là cồn cát. D. Có nguồn gốc sông pha biển.

Câu 10. Đặc điểm nổi bật về đất của khu vực địa hình đồng bằng sông Cửu Long là

A.đất bị cát lấn, cát bay. B. đất bị bạc màu, ô nhiễm đất.

C. đất bị hoang mạc hóa. D. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

Câu 11. Đặc điểm nổi bật về đất của khu vực địa hình đồng bằng sông Hồng là

A.đất bị cát lấn, cát bay. B. đất trong đề bị bạc màu.

C. đất bị hoang mạc hóa. D. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn.

**MỨC 3. CÂU HỎI VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Nguyên nhân quan trọng làm cho địa hình đồng bằng ven biển của nước ta bị chia cắt mạnh?

A. Do ảnh hưởng của biển.

B. Do cấu trúc khu vực địa hình có núi ăn lan ra sát biển.

C. Do hẹp theo chiều Đông Tây.

D. Do tính nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 2. Trở ngại lớn nhất của địa hình miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta là:

A. khó khăn giao thông, khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế.

B. động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu

C. thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở những vùng núi đá vôi.

 D. lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt lở đất.

Câu 3. Do mưa nhiều, độ dốc lớn nên miền núi nước ta là nơi dễ xảy ra

A. lốc B. mưa đá C. sương muối D. lũ quét

Câu 4. Thiên tai nào sau đây rất hiếm xảy ra ở đồng bằng nước ta

A. bão B. lũ lụt C. hạn hán D. động đất

Câu 5. Ở Đồng bằng sông Cửu Long, về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm gần 2/3 diện tích đồngbằng bị nhiễm mặn là do

A. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt B. Địa hình thấp và bằng phẳng

C. Có nhiều vùng trũng rộng lớn D. Biển bao bọc ba mặt đồng bằng.

Câu 6. Hiện tượng ngập lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do

A. địa hình quá thấp. B. mưa lớn và triều cường.

C. mạng lưới kênh, rạch chằng chịt D. sông thoát lũ chậm.

**Mức 4. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO**

Câu 1. Việc khai thác, sử dụng đất và rừng không hợp lí ở miền đồi núi đã gây ra hậu quả xấu cho môi trường sinh thái nước ta biểu hiện ở

A. ô nhiễm không khí B. ô nhiễm nước

C. thiên tai dễ xảy ra D. cạn kiệt tài nguyên khoáng sản

Câu 2. Mặc dù nước ta có 3/4 diện tích lãnh thổ là đồi núi, nhưng tính chất nhiệt đới vẫn được bảo toàn do

A. chịu tác động của Tín phong bán cầu Bắc B. chịu tác động của gió mùa Tây Nam

C. địa hình phân hóa đa dạng D. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp

Câu 3. Địa hình khu vực đồng bằng nước ta phân hoá đa dạng chủ yếu do

A. các quá trình phong hoá và lượng mưa ở các nơi không giống nhau.

B. vận động nội lực, các quá trình ngoại lực khác nhau giữa các vùng.

C. vậ động tạo núi, các quá trình bóc mòn diễn ra khác nhau.

D. nội lực nâng lên và ngoại lực bóc mòn khác nhau qua các thời kì

Câu 4: Yếu tố quyết định tạo nên tính phân bậc của địa hình Việt Nam là

A. tác động của vận động Tân kiến tạo. B. sự xuất hiện khá sớm của con người.

C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. D. vị trí địa lí giáp Biển Đông.

Câu 5: Các đồng bằng ven biển miền Trung nước ta ít có khả năng mở rộng do

A. phần lớn sông nhỏ thềm lục địa hẹp và sâu.

B. xâm thực miền núi yếu, rừng ven biển giảm.

C. mạng lưới sông thưa thớt, thềm lục địa nông.

D. lãnh thổ mở rộng, chế độ nước sông theo mùa.

**BÀI 8. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN**

**MỨC 1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở

A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết bô xít tập trung nhiều nhất ở nơi nào sau đây?

A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Trường Sơn Bắc D. Tây Nguyên

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có đất hiếm

A.Sơn La. B. Lai Châu. C. Điện Biên. D. Hòa Bình.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh, thành phố nào sau đây?

A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Khánh Hòa D. Ninh Thuận.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta là

A. Hồng Ngọc. B. Lan Tây. C. Lan Đỏ. D. Tiền Hải.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Hải Phòng. B. Quảng Ninh. C. Thái Bình. D. Nam Định.

Câu 7. Dựa  vào Atlat địa lí Việt Nam trang 6-7, hãy cho biết các vịnh biển Hạ Long, Xuân Đài, Vân Phong thuộc các tỉnh tương ứng nào theo thứ tự dưới đây?

A. Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Định. B. Quảng Ninh, Phú Yên, Khánh Hoà.

C. Bình Định, Quảng Ninh, Khánh Hoà. D. Quảng Ninh, Bình Định, Khánh Hoà.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây không phải của biển Đông?

A. Có diện tích rộng lớn. B. Mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. Là vùng biển của Việt Nam D. Được bao bọc bởi các vòng cung đảo.

Câu 9. Loại khoáng sản nào có trữ lượng lớn và giá trị nhất ở vùng thềm lục địa nước ta là

A. muối. B. than bùn C. titan. D.dầu khí.

Câu 10. Bể dầu khí lớn nhất của nước ta đang được khai thác hiện nay là

A. Cửu Long, Thổ Chu- Mã Lai. B. Nam Côn Sơn, Sông Hồng.

C. Nam Côn Sơn, Cửu Long. D. Nam Côn Sơn, Thổ Chu- Mã Lai.

Câu 11. Cà Ná là vùng sản xuất muối nổi tiếng, thuộc tỉnh nào dưới đây ở nước ta ?

A. Phú Yên. B. Quảng Ngãi. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 12: Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có quặng titan?

 A. Hàm Tân. B. Vĩnh Hảo. C. Di Linh. D. Đà Lạt.

Câu 13: Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

A. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. Là biển nhỏ trong các biển của Thái Bình Dương.

C. Nằm ở rìa phía đông của Thái Bình Dương.

D. Phía đông và đông nam mở rộng ra đại dương.

Câu 14. Tính chất nhiệt đới gió mùa của biển Đông được thể hiện qua yếu tố nào?

 A. Diện tích. B. Thủy triều. C. Nhiệt độ. D. Giàu ôxi.

Câu 15: Tính chất nhiệt đới của biển Đông được thể hiện rõ trong đặc điểm nào sau đây?

A. nhiệt độ nước biển cao, trung bình năm trên 230C.

B. Độ mặn trung bình 32 - 33%o , thay đổi theo mùa.

C. Sóng biển mạnh nhất vào thời kì gió mùa Đông Bắc.

D. Trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

**MỨC 2. CÂU HỎI THÔNG HIỂU**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết dầu mỏ đang được khai thác chủ yếu ở

A. thềm lục địa phía Bắc. B. Thềm lục địa phía Nam.

C. ĐB sông Hồng. D. ĐB sông Cửu Long.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết hệ thống đảo ven bờ nư­ớc ta tập trung nhiều nhất ở khu vực nào?

A. Ven bờ vịnh Bắc Bộ B. Ven bờ Bắc Trung Bộ

C. Ven bờ Nam Trung Bộ D. Ven bờ vịnh Thái Lan

Câu 3. Nhận định nào sau đây không đúng về ảnh hưởng Biển Đông đối với khí hậu nước ta

A. làm cho mùa đông lạnh hơn. B. mang lại lượng mưa lớn.

C. Làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

D. Làm giảm đi tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông.

Câu 4. Biển Đông ảnh hưởng sâu sắc nhất đến thành phần tự nhiên nào của nước ta?

A. Đất đai. B. Khí hậu. C. Sông ngòi. D. Địa hình.

Câu 5. Nước ta có lượng mưa và độ ẩm lớn là do

A.nước ta có các khối khí di chuyển qua biển.

B. nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa.

C. nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu.

D. nước ta có lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc- Nam.

Câu 6. Biểu hiện nào sau đây không phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

A. Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển

B. Giảm bớt tính khắc nghiệt của thời tiết trong mùa đông

C. Góp phần làm điều hòa khí hậu

D. Tăng cường tính đa dạng của sinh vật nước ta

Câu 7: Vị trí khép kín của biển Đông đã làm cho

A. biển Đông ít bị thiên tai, khí hậu khá ổn định.

B. nhiệt độ cao và chịu ảnh hưởng của gió mùa.

C. hải lưu có tính khép kín, chảy theo hướng gió mùa.

D. trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

Câu 8. Khu vực có điều kiện thuận lợi nhất để xây dựng cảng nước sâu của nước ta là
 A. Bắc Trung Bộ. B. Vịnh Thái Lan.

 C. Vịnh Bắc Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 9. Ở vùng ven biển, dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho nuôi trồng thủy, hải sản?

 A. Bãi triều, đầm phá, vũng vịnh. B. Vịnh cửa sông, tam giác châu.

 C. Các đảo ven bờ, vịnh cửa sông. D. Các rạn san hô, đảo ven bờ.

Câu 10. Ở vùng ven biển, dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho xây dựng cảng biển?

 A. Các bãi triều thấp, phẳng. B. Các bãi biển mài mòn.

 C. Các cửa sông, vịnh biển. D. Các đảo, quần đảo ven bờ.

Câu 11. Dạng địa hình nào sau đây của nước ta thuận lợi nhất để nuôi trồng thủy sản nước lợ?

 A. Đầm phá, bãi triều rộng. B. Đảo xa bờ, vịnh nước sâu.

 C. Vịnh cửa sông, đảo ven bờ. D. Rạn san hô, rừng ngập mặn.

Câu 12. Ven biển Nam Trung Bộ có nhiều vịnh biển sâu, kín gió nên thuận lợi nhất cho hoạt động kinh tế nào sau đây?

 A. Làm muối. B. Đóng tàu. C. Du lịch. D. Xây dựng cảng biển.

Câu 13: Đặc điểm nào sau đây của biển Đông có ảnh hưởng lớn nhất đến tự nhiên nước ta?

A. Có diện tích lớn, lượng nước dồi dào. B. Nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.

C. Biển kín và có các hải lưu chảy khép kín. D. Có diện tích lớn, thềm lục địa mở rộng.

Câu 14. Hạn chế lớn nhất của Biển Đông là

 A. tài nguyên sinh vật biển đang bị suy giảm nghiêm trọng.

 B. thường xuyên hình thành các cơn bão nhiệt đới.

 C. hiện tượng sóng thần do hoạt động của động đất núi lửa.

 D. tác động của các cơn bão nhiệt đới và gió mùa đông bắc.

Câu 15: Nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, ít sông đổ ra biển thuận lợi nhất cho nghề

A. khai thác hải sản. B. làm muối. C. nuôi trồng thủy sản. D. chế biến thủy sản.

**MỨC 3. CÂU HỎI VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Sạt lở bờ biển đang đe dọa nhất đến đoạn bờ biển nào của nước ta?

A. Đoạn bờ biển Bắc Bộ. B. Đoạn bờ biển Trung Bộ.

C. Đoạn bờ biển Nam Bộ. D. Đoạn bờ biển Đông Nam Bộ.

Câu 2. Nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước có cùng vĩ độ vì

A. nằm ở vùng nhiệt đới. B. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

C. nằm ở khu vực Đông Nam Á. D. ảnh hưởng của gió Mậu dịch.

Câu 3. Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất của vùng biển nước ta là

A. muối. B. sa khoáng. C. dầu khí. D. cát.

Câu 4. Thiên tai gây hậu quả nặng nề cho vùng đồng bằng ven biển nước ta là

A. Bão. B. sạt lở bờ biển. C. Cát bay, cát nhảy. D. sóng thần.

Câu 5. Vùng ven biển nào của nước ta thuận lợi nhất cho nghề làm muối?

A. Bắc Bộ. B. Nam Bộ C. Nam Trung Bộ. D. Trung Bộ.

Câu 6: Biển Đông có ảnh hưởng sâu sắc đến thiên nhiên phần đất liền nước ta chủ yếu do

A. biển Đông là một vùng biển rộng lớn. B. hướng nghiêng địa hình thấp dần ra biển.

C. có nhiều vũng, vịnh ăn sâu vào đất liền. D. hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

Câu 7. Hệ sinh thái vùng ven biển nước ta chiếm ưu thế nhất là

A. Hệ sinh thái rừng ngậpmặn B.Hệ sinh thái trên đấtphèn

C.Hệ sinh thái rừng trên đất, đá pha cát venbiển D.Hệ sinh thái rừng trên đảo và rạn sanhô.

Câu 8. Biểu hiện rõ nhất đặc điểm nóng ẩm của Biển Đông là

A. thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.

B. các dòng hải lưu nóng hoạt động quanh năm.

C. mang gió đông nam thổi vào nước ta gây mưa lớn.

D. nhiệt độ nước biển thay đổi theo mùa.

Câu 9. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho Cà Ná và Sa Huỳnh trở thành vùng sản xuất muối lí tưởng ở nước ta?

 A. Địa hình bằng phẳng, nhiệt độ cao, ít mưa. B. Nhiệt độ cao, ít mưa, ít sông lớn đổ ra biển.

 C. Nước biển có độ mặn cao, ít xảy ra thiên tai. D. Nghề cổ truyền, nhân dân nhiều kinh nghiệm.

Câu 10: Biển Đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương là nhờ vào đặc điểm

A. biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa. B. biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu.

C. biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp. D. biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín.

**MỨC 4. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO**

Câu 1. Do nằm trong khu vực nội chí tuyến nên Biển Đông có

A. các dòng biến đổi hướng theo mùa, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới.

B. các vùng biển nông và giáp Thái Bình Dương, biển ấm, mưa nhiều.

C. độ muối khá cao, nhiều ánh sáng, giàu ôxi, nhiệt độ nước biển cao.

 D. biển kín và rộng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ muối tương đối lớn.

Câu 2. Đặc điểm của biến Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là

A. Biển Đông là một biển rộng, có diện tích gần 3,5 triệu km2

B. Biển Đông là biển của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. Biển Đông có thềm lục địa nông và mở rông.

D. Biển Đông là một biển tương đối kín.

Câu 3. Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi lí tưởng cho nghề làm muối vì

A. có thềm lục địa thoải kéo dài sang tận Malaixia.

B. có nhiệt độ cao, nhiều nắng, độ mặn nước biển lớn, chỉ có một số sông nhỏ đổ ra biển.

C. có hệ thống núi cao ăn lan ra biển nên bờ biển khúc khuỷu.

D. không có bão, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

**Câu 4:** Địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

A. các dãy núi, áp thấp, bão và vận động Tấn kiến tạo.

B. sông ngòi, sóng biển, thủy triều và quá trình nội lực

C. đồng bằng ở ven biển, đồi núi và vận động kiến tạo.

D. thủy triều, thềm lục địa, các đồng bằng và cồn cát.

Câu 5: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy giảm diện tích rừng ngập mặn ở nước ta hiện nay là do

A. môi trường nước ô nhiễm. B. mở rộng đất nông nghiệp.

C. khai thác rừng lấy gỗ, củi. D. biến đổi khí hậu toàn cầu.

Câu 6: Các vịnh biển ở Nam Trung Bộ nước ta là kết quả tác động kết hợp chủ yếu của

 A. các mạch núi lan ra biển và thềm lục địa nông.

 B. mài mòn diễn ra mạnh mẽ và thềm lục địa sâu.

 C. các mạch núi lan ra biển và bồi tụ diễn ra chậm.

 D. quá trình xâm thực và mài mòn diễn ra mạnh mẽ.

Câu 7: Địa hình ven biển miền Trung nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

 A. xâm thực và bồi tụ. B. nội lực và ngoại lực.

 C. vận động Tân kiến tạo. D. các hoạt động sản xuất.

Câu 8: Ở nước ta, độ muối của nước biển thay đổi theo từng đoạn bờ biển chủ yếu do

 A. sự phân hóa chế độ mưa và mạng lưới sông ngòi.

 B. thay đổi biên độ nhiệt độ và mạng lưới sông ngòi.

 C. chế độ thủy triều và hoạt động của các dòng biển.

 D. thay đổi của thềm lục địa và hoàn lưu khí quyển.

Câu 9: Tài nguyên sinh vật của biển Đông phong phú chủ yếu do

 A. nhiệt độ cao, các dòng biển hoạt động theo mùa.

 B. nằm trong khu vực nội chí tuyến, tương đối kín.

 C. địa hình đáy biển đa dạng, có nhiều đảo ven bờ.

 D. vùng biển rộng, hoạt động thủy triều phức tạp.

Câu 10: So với Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ có ưu thế hơn hẳn để phát triển nghề

A. sản xuất muối. B. nuôi cá. C. đánh bắt cá biển. D. nuôi tôm.

**BÀI 9. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**

**MỨC I: NHẬN BIẾT**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây mưa nhiều nhất vào tháng X?

A. Hà Nội B. Sapa C. Đà Lạt D. Đà Nẵng

Câu 2. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các địa điểm sau, địa điểm nào mùa mưa vào thu-đông.

A. Hà Nội B. Sapa C. Đà Lạt D. Đồng Hới

Câu 3. Căn cứ vào Atlat trang 9, cho biết hướng gió vào mùa hạ thổi vào khu vực Đồng bằng Bắc Bộ là hướng nào?

A. Hướng Tây Nam B. Hướng Đông Nam C. Hướng Đông Bắc D. Hướng Tây Bắc

Câu 4. Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đây có nhiệt độ TB các tháng luôn dưới 200C

A. Hà Nội B. Điện Biên Phủ C. Lạng Sơn D. Sa-pa

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Điện Biên Phủ thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

A. Đông Bắc Bộ B. Nam và Trung Bắc Bộ C. Tây Bắc Bộ D. Bắc Trung Bộ

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Thanh Hóa mưa nhiều ở những tháng nào?

A. Tháng 3 đến tháng 10. B. Tháng 4 đến tháng 11.

C. Tháng 5 đến tháng 10. D. Tháng 4 đến tháng 10.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Nẵng mưa nhiều ở những tháng nào?

A. Tháng 8 đến tháng 1. B. Tháng 8 đến tháng 1.

C. Tháng 8 đến tháng 12. D. Tháng 9 đến tháng 12.

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lý trang 9, hãy cho biết trong 4 địa điểm sau nơi nào mưa nhiều nhất

A. Hà Nội B.Đà Nẵng C.Huế D.Nha Trang

Câu 9. Lượng mưa trung bình năm ở nước ta dao động trong khoảng (mm):

A. 1500 – 2000. B. 1900 – 2000. C. 1700 – 2000. D. 1800 – 2000.

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biếtvùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta?

A. Bắc Trung Bộ. B. Nam Trung Bộ. C. Nam Bộ. D. Đông Bắc Bộ.

Câu 11. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết trạm khí tượng thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ là

A. Quảng Bình. B. Thanh Hóa. C. Nha Trang. D. Đà Nẵng.

Câu 12. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, thời kì tần suất các cơn bão di chuyển từ Biển Đông vào nước ta nhiều nhất là

A. tháng 6. B. tháng 7. C. tháng 8. D. tháng 9.

.Câu 13. Căn cứ Atlat Địa lí VN trang 9, cho biết vùng khí hậu nào dưới đây nằm trong miền khí hậu phía Bắc?

 A. Vùng khí hậu Tây Nguyên. C. Vùng khí hậu Nam Bộ.

B. Vùng khí hậu BTB. D. Vùng khí hậu NTB.

Câu 14. Căn cứ Atlat Địa lí VN trang 9, thời gian gió mùa mùa đông thổi vào nước ta từ (tháng)

A. 10 – 4. B. 11 – 4. C. 12 – 4. D. 1 – 4.

**Câu 15:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các địa điểm sau đây, địa điểm nào có nhiệt độ trung bình tháng I thấp nhất?

A. Lũng Cú. B. Hà Tiên. C. Huế. D. Hà Nội.

Câu 16: Phát biểu nào sau đây không đúng với khí hậu Việt Nam?

A. Khí hậu có sự phân hoá đa dạng. B. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.

C. Mùa đông lạnh kéo dài 2 - 3 tháng. D. Chịu tác động sâu sắc của gió mùa.

Câu 17. Gió mùa Đông Bắc ở nước ta xuất phát từ

 A. trung tâm áp cao Xibia. B. trung tâm áp cao Bắc Ấn độ Dương.

 C. trung tâm áp cao Hawaii. D. trung tâm áp cao chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 18: Loại gió thổi quanh năm ở nước ta là

A. Tây ôn đới. B. Tín phong. C. gió phơn. D. gió mùa.

**MỨC 2. THÔNG HIỂU**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhiệt độ trung bình tháng 1 (0C) các địa điểm từ Huế trở ra đều

A. dưới 200C. B. trên 200C. C. trên 250C. D. dưới 250C.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn (0C):

A. 300C. B. 250C C. 200C. D. 150C.

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào dưới đâycó biên độ nhiệt trong năm cao nhất?

A. Biểu đồ khí hậu Nha Trang. C. Biểu đồ khí hậu Cà Mau.

B. Biểu đồ khí hậu Hà Nội. D. Biểu đồ khí hậu TP. Hồ Chí Minh.

Câu 4. Căn cứ Atlat Địa lí VN trang 9, cho biết vùng khí hậu nào dưới đây không cógió Tây khô nóng?

A. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ. B. Vùng khí hậu BTB.

C. Vùng khí hậu NTB. D. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ

Câu 5. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhiệt độ trung bình tháng 7 của các địa điểm trên đất nước ta (trừ vùng núi cao trên 2600m) có đặc điểm nào sau đây ?

A. Cao trên 200C. B. Thấp dưới 28 0C. C. Cao trên 280C. D. Thấp dưới 180C.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào trong số các địa điểm dưới đây có biên độ nhiệt trong năm cao nhất ?

A. Cà Mau. B. Nha Trang. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Hà Nội

Câu 7. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, nên

A. khí hậu có hai mùa rõ rệt B. nền nhiệt độ cao, số giờ nắng nhiều.

C. sinh vật chịu lạnh chiếm ưu thế D. có sự phân hóa tự nhiên theo lãnh thổ rõ rệt

Câu 8. Từ vĩ tuyến 160B xuống phía nam, gió mùa mùa đông về bản chất là

A. gió mùa Tây Nam. B. gió mùa Đông Bắc.

C. gió mùa Đông Nam. D. gió Tín phong nửa cầu Bắc

Câu 9. Nguồn gốc hình thành gió mùa Đông Bắc ở nước ta là

A. khối khí phương Bắc B. khối khí xích đạo ẩm.

C. khối khí chí tuyến vịnh Tây Bengan. D. khối khí chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 10. Lãnh thổ Việt Nam là nơi

A. Các khối khí hoạt động tuần hoàn, nhịp nhàng. B. Gió mùa mùa hạ hoạt động quanh năm.

C. Gió mùa mùa đông hoạt động quanh nằm. D. Giao tranh của các khối khí hoạt động theo mùa.

Câu 11. Kiểu thời tiết lạnh, khô xuất hiện ở miền Bắc nước ta vào

A. Nửa đầu mùa đôngB. Giữa mùa đông. C. Nửa cuối mùa đông. D. Giữa mùa xuân.

Câu 12. Kiểu thời tiết lạnh, ẩm xuất hiện ở miền Bắc nước ta vào

A. Nửa đầu mùa đông. B. Giữa mùa đông. C. Nửa cuối mùa đông. D. Giữa mùa xuân

Câu 13. Điểm nào sau đây không đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

A. Thổi từng đợt, không kéo dài liên tục.

B. Thổi liên tục suốt mùa đông.

C. Chỉ hoạt động mạnh ở miền Bắc.

D. Bị biến tính và suy yếu dần khi di chuyển về phía Nam.

Câu 14. Vào nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở nước ta có tính chất lạnh ẩm vì gió này di chuyển

A.qua lục địa Trung Hoa rộng lớn B. xuống phía nam và mạnh lên.

C.về phía tây qua vùng núi D. về phía đông qua biển

Câu 15. Mưa phùn là hiện tượng thời tiết

A. diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc.

B. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông.

C. diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.

D. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc, Bắc Trung Bộ vào nửa sau mùa đông.

Câu 16. Từ tháng XI đến IV năm sau ở nước ta, loại gió chiếm ưu thế chủ yếu từ vĩ tuyến 160B trở vào Nam.

A. gió mùa Đông Bắc B. Tín phong bán cầu Bắc.

 C. gió mùa Tây Nam D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 17. Vào đầu mùa hè, gió mùa Tây Nam nước ta có nguồn gốc từ

A. Áp cao Xibia B. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam

C. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương D. cao áp Haoai trên Thái Bình Dương.

Câu 18. Đầu mùa hạ gió Tây Nam gây mưa cho

A. Bắc Trung Bộ, phía Nam của Tây Bắc B.Tây Nguyên và Nam Bộ

C. Nam trung Bộ D. cả nước.

Câu 19. Vào giữa và cuối mùa Hạ, gió mùa Tây Nam của nước ta có nguồn gốc từ

A. áp cao Ha Oai. B. áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

C. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. D. áp cao cận chí tuyến Bán Cầu Bắc.

Câu 20. Vào đầu mùa Hạ, gió mùa Tây Nam của nước ta có nguồn gốc từ

A. áp cao ôtrâylia. B. áp cao Bắc Ấn Độ Dương.

C. áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. D. áp cao cận chí tuyến Bán Cầu Bắc.

Câu 21. Gió Mậu dịch là loại gió

A. thổi từ các khu áp cao cận nhiệt đới về áp thấp ôn đới.

B. thổi từ các khu áp cao cận nhiệt đới về hạ áp Xích đạo.

C. thổi từ các khu áp cao cực về áp thấp ôn đới.

D. hình thành ở vùng ven biển, thay đổi hướng theo ngày và đêm.

Câu 22: Địa điểm nào dưới đây có nhiệt độ trung bình tháng 1 thấp nhất?

 A. Điện Biên Phủ (độ cao trên 400m). B. Lạng Sơn (độ cao 252m ).

C. Hà Nội (5m - 15m). D. Đà Lạt (1500m

**MỨC 3. VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 , nhận định nào sau đây đúng về mùa bão ở nước ta ?

A. Hoạt động với tần suất lớn trên phạm vi toàn quốc.

B. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam.

C. Diễn ra trong thời gian dài suốt trong năm.

D. Vùng Trung Bộ chịu ảnh hưởng của bão vào 3 tháng 9,10, 11.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Lạng Sơn so với Nha Trang?

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn. B. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.

C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao hơn. D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 3: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu Đông Bắc Bộ có đặc điểm nào sau đây?

A. Nền nhiệt cao trên 200C, mùa đông lạnh, mưa phân hóa theo mùa.

B. Có mùa đông lạnh, mưa nhiều quanh năm, biên độ nhiệt nhỏ.

C. Mưa lớn quanh năm, nền nhiệt cao và phân hóa theo mùa.

D. Nền nhiệt cao trên 250C, lượng mưa và nhiệt độ phân hóa theo mùa

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây đúng với chế độ mưa của vùng ven biển Trung Bộ?

A. Mùa mưa dài nhất trong cả nước. B. Mưa tập trung nhất là vào mùa hạ.

C. Mưa nhiều vào thời kì thu đông. D. Mừa đều giữa các tháng trong năm.

Câu 5. Mưa vào thu - đông là đặc điểm của

 A. Đồng Bằng sông Cửu Long. B. Duyên hải miền Trung.

C. Tây Nguyên. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6. Hướng gió chính gây mưa cho đồng bằng Bắc Bộ vào mùa hè là

A. đông bắc. B. tây nam. C. tây bắc. D. đông nam.

Câu 7. Hiện tượng thời tiết lạnh khô xuất hiện vào thời kỳ nào ở miền Bắc nước ta?

A. Cuối mùa đông. B. Đầu và giữa mùa đông

C. nửa đầu mùa đông. D. Giữa và cuối mùa đông.

Câu 8. Hiện tượngthời tiết nổi bật nhất của vùng đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên vào nửa đầu mùa Hạ là

A. nhiều bão. B. mưa lớn. C. có gió phơn. D. mùa khô sâu sắc.

Câu 9. Nếu Tây Nguyên là mùa mưa thì ven biển Nam Trung Bộ là mùa

A. thu B. đông C. mưa D. khô

Câu 10. Trong chế độ khí hậu, miền Bắc nước ta có sự phân chia thành

A. mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

B. mùa khô và mùa mưa rõ rệt.

C. bốn mùa rõ rệt: xuân, hạ, thu, đông.

D. mùa đông mưa nhiều, mùa hạ nóng, mưa ít.

Câu 11. Cho bảng số liệu: MỨC TĂNG NHIỆT ĐỘ CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ. (Đơn vị:0 C)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức tăng nhiệt độ các thời kì | Đà Nẵng | Quy Nhơn | Nha Trang | Phan Rang |
| 2009 - 2018 so với 1928 - 1940 | 0,81 | 0,75 | 0,94 | 3,3 |
| 2009 - 2018 so với 1998 - 2008 | 0,38 | 0,15 | 0,12 | 1,57 |

 (Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam 2019)

Nhận xét nào sau đây đúng về mức tăng nhiệt độ của một số địa điểm ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Nhiệt độ đồng đều giữa các địa điểm. B. Mức tăng nhiệt độ ngày càng cao.

C. Mức tăng nhiệt độ ngày càng giảm. D. Nhiệt độ trung bình giảm.

Câu 12.Cho bảng số liệu:LƯỢNG MƯA VÀ NHIỆT ĐỘ CÁC THÁNG TRONG NĂM CỦA ĐỊA ĐIỂM A.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Lượng mưa ( mm) | 18,8 | 6,0 | 23,3 | 19,2 | 30,2 | 81,0 | 19,0 | 16,0 | 186,5 | 375,9 | 703,1 | 290,8 |
| Nhiệt độ (0C) | 25,1 | 24,1 | 26,2 | 27,6 | 29,4 | 28,8 | 29,5 | 29,9 | 28,1 | 27,6 | 26,4 | 26,4 |

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam 2019)

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 và kiến thức đã học, cho biết địa điểm A thuộc vùng khí hậu nào dưới đây ?

A. Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Đông Bắc Bộ. D. Tây Bắc Bộ

Câu 13. Cho bảng số liệu sau: Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm

|  |  |
| --- | --- |
| Địa điểm | Nhiệt độ trung bình tháng 1 (0C) |
| Lạng sơn | 13,3 |
| Hà Nội | 16,4 |
| Huế | 19,7 |
| Đà Nẵng | 21,3 |
| Quy Nhơn | 23,0 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25,8 |

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ trung bình tháng 1 từ Bắc vào Nam?

A. Từ Bắc vào Nam, nhiệt độ trung bình tháng 1 chênh lệch không rõ rệt.

B. Từ Bắc vào Nam, nhiệt độ trung bình tháng 1 cao nhất ở các địa điểm miền Trung.

C. Từ Nam ra Bắc, nhiệt độ trung bình tháng 1 ngày càng tăng.

D. Từ Bắc vào Nam, nhiệt độ trung bình tháng 1 ngày càng tăng.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ TB các tháng trong năm của một số địa điểm (0C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| TP Hạ Long | 17 | 18 | 19 | 24 | 27 | 29 | 29 | 27 | 27 | 27 | 24 | 19 |
| TP Vũng Tàu | 26 | 27 | 28 | 30 | 29 | 29 | 28 | 28 | 28 | 28 | 28 | 27 |

Để thể hiện nhiệt độ TB các tháng trong năm của Hạ Long và Vũng Tàu theo bảng số liệu đã cho, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ tròn. D. Biểu đồ đường.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng trong năm của Hà Nội

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Nhiệt độ (0C) | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Lượng mưa (mm) | 18,6 | 26,2 | 43,8 | 90,1 | 188,5 | 230,9 | 288,2 | 318,0 | 265,4 | 130,7 | 43,4 | 23,4 |

Để thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng trong năm của Hà Nội theo bảng số liệu đã cho, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ đường.

Câu 16. Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa trung bình tháng của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (Đơn vị: mm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Hà Nội | 18,6 | 26,2 | 43,8 | 90,1 | 188,5 | 230,9 | 288,2 | 318,0 | 265,4 | 130,7 | 43,4 | 23,4 |
| TP Hồ Chí Minh | 13,8 | 4,1 | 10,5 | 50,4 | 218,4 | 311,7 | 293,7 | 269,8 | 327,1 | 266,7 | 116,5 | 48,3 |

Căn cứ vào bảng số liệu cho biết so sánh nào sau đây không đúng về chế độ mưa giữa Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

A. Tháng mưa cực đại ở Hà Nội đến sớm hơn TP Hồ Chí Minh.

B. Thời gian mùa mưa ở TP Hồ Chí Minh dài hơn Hà Nội.

C. Tháng có lượng mưa thấp nhất ở Hà Nội sớm hơn TP Hồ Chí Minh.

D. Hà Nội có lượng mưa cả năm lớn hơn TP Hồ Chí Minh.

Câu 17: Cho bảng số liệu sau: Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa(mm) | Lượng bốc hơi (mm) | Cân bằng ẩm(mm) |
| Hà Nội | 1677 | 989 | +690 |
| Huế | 2868 | 1000 | +1868 |
| TP Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 | +245 |

 Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên

A. Huế có lượng mưa và cân bằng ẩm cao nhất trong 3 địa điểm trên.

B. TP HCM có lượng mưa cao hơn Hà Nội và lượng bốc hơi thấp hơn nên cân bằng ẩm cao hơn Hà Nội.

C. TP HCM có lượng mưa cao hơn Hà Nội nhưng lượng bốc hơi lớn, nên cân bằng ẩm thấp hơn Hà Nội.

D. Hà Nội mặc dù lượng mưa không cao bằng 2 địa điểm còn lại nhưng lượng bốc hơi nhỏ.

Câu 18. So với Hà Nội và TP Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất. Nguyên nhân quan trọng nhất là do

A. Huế là nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất nước ta.

B. Huế là nơi có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa thu đông.

C. Huế có lượng mưa không lớn nhưng mưa thu đông nên ít bốc hơi.

D. Huế có lượng mưa khá lơn nhưng lượng mưa trùng với mùa lạnh nên ít bốc hơi

Câu 19. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình tháng của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (Đơn vị: 0C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Hà Nội | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| TP Hồ Chí Minh | 25,8 | 26,7 | 27,9 | 28,9 | 28,3 | 27,5 | 27,1 | 27,1 | 26,8 | 26,7 | 26,4 | 25,7 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết so sánh nào sau đây không đúng về nhiệt độ giữa Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh

B. Số tháng có nhiệt độ trên 200C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.

C. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP Hồ Chí Minh

D. Nhiệt độ TB tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 20.Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa(mm) | Lượng bốc hơi (mm) |
| Hà Nội | 1677 | 989 |
| Huế | 2868 | 1000 |
| TP Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 |

Dựa vào bảng trên, cho biết cân bằng ẩm của Huế là

A. + 690 B. +1868mm C. +1879mm D. +245mm

Câu 21. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa TB tháng của Huế và TP Hồ Chí Minh (đơn vị:mm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Huế | 161,3 | 62,6 | 47,1 | 51,6 | 82,1 | 116,7 | 95,3 | 104,0 | 473,4 | 795,6 | 680,6 | 297,4 |
| TP Hồ Chí Minh | 13,8 | 4,1 | 10,5 | 50,4 | 218,4 | 311,7 | 293,7 | 269,8 | 327,1 | 266,7 | 116,5 | 48,3 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về chế độ mưa của Huế và TP Hồ Chí Minh?

A. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Huế là tháng III, ở TP Hồ Chí Minh là tháng II

B. tháng có mưa lớn nhất ở Huế là tháng X, ở TP Hồ Chí Minh là tháng IX

C. mùa mưa ở Huế từ tháng VIII đến tháng I, ở TP Hồ Chí Minh từ tháng V đến tháng XI

D. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp 2 lần TP. Hồ Chí Minh

Câu 22. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ TB tháng của Hà Nội và Huế (Đơn vị: 0C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Hà Nội | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| Huế | 19,7 | 20,9 | 23,2 | 26,0 | 28,0 | 29,2 | 29,4 | 28,8 | 27,0 | 25,1 | 23,2 | 20,8 |

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về nhiệt độ của Hà Nội và Huế?

A. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Huế cao hơn Hà Nội.

B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội thấp hơn Huế.

C. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội thấp hơn Huế.

D. Cả hai địa điểm đều có nhiệt độ cao nhất vào tháng VII.

Câu 23.Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Địa điểm | Lượng mưa(mm) | Lượng bốc hơi (mm) |
| Hà Nội | 1677 | 989 |
| Huế | 2868 | 1000 |
| TP Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi của Hà Nội và Huế là

A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ đường.

Câu 24. Cho bảng số liệu

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH VÀ TỔNG LƯỢNG MƯA CỦA MỘT SỐ TRẠM QUAN TRẮC Ở NƯỚC TA NĂM 2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Trạm quan trắc | Lai châu | Bãi Cháy | Huế | Pleiku | Vũng Tàu |
| Nhiệt độ không khí trung bình(0C) | 24,0 | 24,6 | 25,8 | 23,0 | 28,1 |
| Tổng lượng mưa(mm) | 2701,7 | 1896,7 | 4812,8 | 2111,9 | 1423,9 |

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện nhiệt độ không khí trung bình và tổng lượng mưa của một số trạm quan trắc ở nước ta năm 2020 là

A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ kết hợp. D. Biểu đồ đường.

**Câu 25:** Thời tiết lạnh và ẩm xuất hiện vào cuối mùa đông ở miền bắc nước ta là do nguyên nhân nào?

A. Ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ

B. Khối không khí lạnh di chuyển về phía Đông qua biển.

C. Gió mùa đông đi qua lục địa châu Á.

D. Gió mùa đông bị suy yếu.

**MỨC 4. VẬN DỤNG CAO**

Câu 1 “gió mùa Đông Nam” vào mùa hạ ở miền Bắc nước ta được hình thành là do

A. áp thấp Bắc Bộ hút gió mùa Tây Nam B. áp thấp Bắc Bộ hút gió mùa Đông Bắc.

C. áp thấp Bắc Bộ hút Tín phong Bán cầu Bắc. D. áp thấp Bắc Bộ hút gió từ biển vào.

Câu 2. Nguyên nhân hình thành gió fơn ở Bắc Trung Bộ là do

A. gió mùa Đông Bắc vượt qua dày Trường Sơn. B. gió mùa Đông Bắc vượt qua dãy Hoành Sơn.

C. gió tây nam vượt qua dãy Trường Sơn Bắc. D. gió mùa Tây Nam vượt qua dãy Bạch Mã.

Câu 3. Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào mùa hạ cho cả 2 miền Nam, Bắc nước ta là do hoạt động của

A. gió mùa Tây Nam và gió tây nam từ vịnh tây Bengan.

B. gió mùa Tây Nam kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới.

C. dải hội tụ nhiệt đới và Tín phong bán cầu Bắc.

D. gió tây nam từ vịnh tây Began và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 4. Khí hậu nước ta được phân chia thành 2 mùa: mùa khô, mùa mưa rất rõ rệt là ở

A. Miền Nam. B. Miền Trung. C. Miền Bắc. D. Miền Nam, miền Trung.

Câu 5. Nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên là

A. hoạt động của gió mùa Đông Bắc. B. hoạt động của gió mùa gió mùa Tây Nam.

C. hoạt động của gió tín phong bán cầu Bắc .

D. hoạt động của gió tây khô nóng.

Câu 6.Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Trung Bộ nước ta?

A. Gió mùa Đông Bắc, gió Tây, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.

B. Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió đông bắc và bão.

C. Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây, bão và dải hội tụ nhiệt đới.

D. Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam, áp thấp nhiệt đới, bão.

Câu 7. Nguyên nhân quan trọng nhất gây mưa cho ven biển Trung bộ vào nửa đầu mùa Đông là do

A. tiếp giáp biển Đông. B. hoạt động của gió mùa Tây Nam.

C. hoạt động của gió mùa Đông Bắc. D. hoạt động của tín phong Bắc bán cầu.

Câu 8. Nguyên nhân chủ yếu tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc có thể lấn sâu vào miền Bắc nước ta là

A. Vị trí địa lí nằm trong vành đai nội chí tuyến.

B. Vị trí địa lí gần trung tâm của gió mùa mùa đông.

C. Hướng các dãy núi ở Đông Bắc có dạng hình cánh cung đón gió.

D. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

Câu 9: Khu vực thường có mưa lớn và kéo dài ở nước ta do tác động của gió mùa Tây Nam là

A. Tây Nguyên và Trung Bộ. B. Trung Bộ và Đông Bắc.

C. Trung Bộ và Tây Bắc. D. Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 10. Nguyên nhân chính nào dưới đây làm cho mùa mưa ở miền Nam dài hơn miền Bắc ?

A. Thời gian hoạt động của bão ở miền Nam nhiều hơn.

B. Miền Nam có vị trí địa lí gần xích đạo hơn.

C. Sự lùi dần từ Bắc vào Nam của dải hội tụ nội chí tuyến.

D. Hoạt động của gió mùa Tây Nam kéo dài hơn.

Câu 11. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Trung Bộ nước ta?

A. Gió mùa Đông Bắc, gió tây, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.

B. Gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam ,dải hội tụ nhiệt đới và bão.

C. Gió tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Tây Nam ,dải hội tụ nhiệt đới và bão.

D. Gió tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Tây Nam , áp thấp nhiệt đới và bão

Câu 12. Nguyên nhân nào dưới đây tạo nên sự đối lập về mùa mưa - khô giữa vùng ven biển Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?

A. Do gió mùa Tây Nam và cấu trúc địa hình Trường Sơn Nam.

B. Do sự suy giảm ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc khi vào Nam.

C. Do hướng gió kết hợp với hướng địa hình.

D. Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu làm cho mùa khô ở Nam Bộ sâu sắc hơn Bắc Bộ do

A. hướng địa hình song song hướng gió, ít sông lớn.

B. tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần vùng xích đạo.

C. ít chịu ảnh hưởng của bão biển, hướng gió đông bắc.

D. thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, hướng gió tây nam

**BÀI 10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA (tt)**

**MỨC 1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây không thuộc hệ thống sông Cửu Long ?

A. Sông Tiền. B. Sông Cái Bè. C. Sông Hậu. D. Sông Bé.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây ở khu vực Bắc Trung Bộ có diện tích lưu vực lớn nhất ?

A. Sông Mã B. Sông Gianh. C. Sông Cả. D. Sông Bến Hải.

Câu 3. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây có lưu lượng nước lớn nhất (theo số liệu đo ở các trạm Mỹ Thuận, trạm Cần Thơ, trạm Hà Nội và trạm Cung Sơn)?

A. Sông Đà Rằng. B. Sông Mã.

C. Sông Mê Công (Cửu Long). D. Sông Hồng.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lương ̣nước thấp nhất của sông Mê Công (Cửu Long) vào thơi gian nào sau đây (theo số liệu đo được ở trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ)?

A. Tháng III đến tháng IV. B. Tháng I đến tháng III.

C. Tháng X đến tháng XII. D. Tháng V đến tháng X.

Câu 5. Căn cứ Atlat Địa lí VN trang 10, lưu vực sông nào sau đây hầu hết không chảy trực tiếp ra biển?

1. Lưu vực sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Đồng bằng sông Cửu Long).
2. Lưu vực sông Đồng Nai.
3. C.Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

D. Sông Mê Công (phần trên lãnh thổ Tây Nguyên).

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Đà thuộc lưu vực sôngnào sau đây?

 A. Lưu vực sông Thái Bình. B. Lưu vực sông Hồng.

C. Lưu vực sông Mã. D. Lưu vực sông Kì Cùng - Bằng Giang.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết đỉnh lũ trên sông Hồng vào thời gian nào sau đây?

A. tháng 7 B. tháng 8 C. tháng 9 D. tháng 10.

Câu 8. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất trong hệ thống các sông

A. Sông Kì Cùng - Bằng Giang. B. Sông Thu Bồn.

C. Sông Ba. D. Sông Thái Bình.

Câu 9. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất trong hệ thống các sông

A. Sông Kì Cùng - Bằng Giang. B. Sông Thu Bồn.

C. Sông Ba. D. Sông Thái Bình

Câu 10. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Sông Thái Bình. B. Sông Mã. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Đồng Nai.

Câu 11. Căn cứ vào Atlat trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có lưu vực nằm cả ở phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

A. Sông Đồng Nai B. Sông Cả C. Sông Thu Bồn D. Sông Mê Kông

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai?

A. Hồ Trị An. B. Hồ Hòa Bình. C. Hồ Kẻ Gỗ. D. Hồ Thác Bà.

**MỨC 2. CÂU HỎI THÔNG HIỂU**

Câu 1. Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho đồng bằng ở hạ lưu sông của nước ta ngày càng mở rộng?

A. Tác động của biển. B. Tác động của con người.

C. Địa hình được tân kiến tạo làm trẻ lại D. Quá trình xâm thực mạnh ở đồi núi.

Câu 2. Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta hiện nay là

A. xâm thực - mài mòn B. bồi tụ - mài mòn C. xâm thực - bồi tụ D. bồi tụ - xâm thực.

Câu 3. Quá trình feralit ở nước ta diễn ra mạnh ở vùng nào sau đây ?

A. Đồi núi thấp. B. Núi cao.

C. Đồng bằng châu thổ sông. D. Đồng bằng ven biển.

Câu 4. Loại đất đặc trưng cho vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

A. phù sa B.đất mặn C.đất phèn D.đất feralit

Câu 5. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới nóng ẩm nước ta là

A. rừng gió mùa thường xanh B. rừng gió mùa nửa rụng lá

C. xa van, cây bụi D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 6. Quá trình feralit là hệ quả của

A. nhiệt độ cao, mưa ít và địa hình đồi núi thấp. B. nhiệt, ẩm cao, mưa nhiều và địa hình đồi núi thấp.

C. độ bốc hơi lớn, độ ẩm thấp, địa hình dốc. D. mưa ít, chỉ tập trung vào một mùa.

Câu 7. Đất feralit có đặc điểm là

A. chua, nhiều ô xít sắt và ô xít nhôm B. giàu đạm, nghèo kali

C. nhiều muối, thành phần cơ giới nặng. D. thấm nước nhanh, giữ nước kém, tỉ lệ mùn thấp.

Câu 8. Trong giới sinh vật, thành phần loài chiếm ưu thế ở nước ta là thành phần nhiệt đới vì

A. nước ta có khí hậu cận nhiệt đới. B. nước ta có khí hậu nhiệt đới.

C. nước ta có khí hậu xích đạo D. nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 9. Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là hệ sinh thái rừng

A. nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

B. ngập mặn ven biển phát triển trên đất mặn

C. gió mùa thường xanh phát triển trên đá vôi

D. thưa khô rụng lá tới xa van phát triển trên đất ba dan.

Câu 10. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là

A. rừng thưa nhiệt đới khô.

B. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

C. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

D. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

Câu 11. Chế độ nước sông ngòi nước ta theo mùa do

A. độ dốc địa hình lớn, mưa nhiều.

B. diện tích đồi núi thấp là chủ yếu.

C. lượng mưa phân hóa theo mùa.

D. mưa nhiều trên địa hình đồi núi có độ dốc lớn.

Câu 12. Tính chất nhiệt đới của khí hậu do vị trí địa lí nước ta

A. nằm trong nội chí tuyến. B. giáp Biển Đông.

C. nằm trong khu vực châu Á gió mùa. D. gần trung tâm của khu vực.

Câu 13. Xâm thực mạnh ở miền núi không phải do

A. địa hình dốc. B. mưa nhiều.

C. mất rừng. D. nắng nhiều.

**MỨC 3. CÂU HỎI VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Thảm thực vật rừng nước ta đa dạng về kiểu hệ sinh thái là do

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hóa phức tạp với nhiều kiểu khí hậu.

B. sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.

C. địa hình đồi núi chiếm ưu thế, phân hóa phức tạp.

D. vị trí nằm ở nơi giao thoa của các luồng di cư sinh vật.

Câu 2. Ở nước ta, chế độ nước sông ngòi theo mùa do

A. độ dốc địa hình lớn, mưa nhiều. B. mưa nhiều trên địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn.

C. trong năm có hai mùa mưa và khô. D. đồi núi bị cắt xẻ, độ dốc lớn và mưa nhiều.

Câu 3. Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa, do

A. địa hình chủ yếu là đồng bằng và đồi núi thấp. B. mưa nhiều trên địa hình đồi núi có độ dốc lớn.

C. trong năm có hai mùa khô, mưa khác nhau. D. diện tích đồi núi thấp là chủ yếu và mưa nhiều.

Câu 4. Hàm lượng phù sa của sông ngòi nước ta lớn là do

A. mạng lưới sông ngòi dày đặc. B. tổng lượng nước sông lớn

C. chế độ nước của sông thay đổi theo mùa D. quá trình xâm thực mạnh mẽ ở miền núi.

Câu 5. Chế độ dòng chảy sông ngòi nước ta thất thường là do

A. độ dốc lòng sông lớn, nhiều thác ghềnh

B. sông có đoạn chảy ở miền núi, có đoạn chảy ở đồng bằng.

C. chế độ mưa thất thường D. lòng sông nhiều nơi bị phù sa bồi đắp.

Câu 6. Nguyên nhân chủ yếu làm sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn

A. thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.

B. lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.

C. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn

D. mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

**MỨC 4. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO**

Câu 1. Sông ngòi nước ta có sự khác nhau chủ yếu về hướng chảy là do

A. hướng núi hoặc hướng nghiêng địa hình không giống nhau ở các nơi.

B. tác động của sóng, thuỷ triều, dòng biển lên các khối núi.

C. mưa cắt xẻ bề mặt địa hình kết hợp lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

D. mưa nhiều, cường độ mưa lớn tập trung trên địa hình đồi núi chiếm ưu thế.

Câu 2. Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp khiến phần lớn sông ngòi ở nước ta mang đặc điểm nhỏ,

ngắn và độ dốc lớn là.

A. địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.

B. khí hậu và sự phân bố địa hình.

C. hình dáng lãnh thổ và khí hậu.

D. hình dáng lãnh thổ và sự phân bố địa hình.

**BÀI 11, BÀI 12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG**

**MỨC 1. CÂU HỎI NHẬN BIẾT**

Câu 1. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng TB - ĐN?

A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Pu Đen Đinh.

Câu 2. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi cao nhất ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. Phanxipăng. B. Phu Luông. C. Tây Côn Lĩnh. D. Kiều Liêu Ti.

Câu 3. Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cao nguyên cao nhất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

 A. Kon Tum. B. Đắk Lắk. C. Mơ Nông D. Lâm Viên.

Câu 4. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây không thuộc vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Trường Sơn Bắc B. Hoàng Liên Sơn. C. Cai Kinh. D. Pu Sam Sao.

Câu 5. Căn cứ vào Atlat trang 14 , cho biết hệ sông nào sau đây không thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

1. Sông Đà. B. Sông Cả. C. Sông Gianh. D. Sông Thái Bình.

Câu 6. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13- 14, cho biết cao nguyên nào sau đây không thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A. Kon Tum B. Di Linh C. Lâm Viên. D. Tà Phình.

Câu 7. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13-14, cho biết đèo nào sau đây không thuộc miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

 A. Đèo Cả B. Đèo Ngang. C. Đèo Ngoạn Mục. D. Đèo An Khê.

Câu 8. Căn cứ vào Atlat trang 14 Địa lí Việt Nam cho biết Mũi Né thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 9. Đặc trưng khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc là

A. nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. B. cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.

C. cận xích đạo gió mùa. D. nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh.

Câu 10. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là

A. đới rừng gió mùa cận xích đạo. B. rừng nhiệt đới gió mùa.

C. đới rừng xích đạo. D. đới rừng nhiệt đới.

Câu 11.Điểm nào sau đây không đúng với đặc điểm khí hậu của miền Bắc nước ta

A. nhiệt độ trung bình năm trên 200C B. trong năm có 2-3 tháng nhiệt độ dưới 180C

C. có 1 mùa đông lạnh trong năm D. biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ

Câu 12. Cảnh quan tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía nam nước ta là đới rừng

A. cận nhiệt đới gió mùa B. ôn đới gió mùa

C. nhiệt đới gió mùa D. cận xích đạo gió mùa

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu của phần phía Nam lãnh thổ (từ 160B trở vào)?

A. Quanh năm nóng. B. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 200C.

C. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt. D. biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

Câu 14. Điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích phần đất liền.

B. Thềm lục địa phía bắc và phía nam có đáy nông, mở rộng.

C. Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phẳng.

D. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.

Câu 15. Khoáng sản nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. Than đá và apatit. B. Dầu khí và bôxit.

C. Vật liệu xây dựng và quặng sắt. D. Thiếc và khí tự nhiên.

Câu 16. Sự hình thành ba đai cao trước hết là do sự thay đổi theo độ cao của

A. khí hậu. B. đất đai. C. sinh vật. D. địa hình.

Câu 17. Giới hạn độ cao đai nhiệt đới gió mùa chân núi ở miền Bắc là

A. dưới 500 – 600 m. B. dưới 600 – 700 m. C. Dưới 700 – 800m. D. Dưới 800 - 900m.

Câu 18. Giới hạn độ cao đai ôn đới gió mùa trên núi là

A. 2400 m trở lên. B. 2500 m trở lên. C. 2600 m trở lên. D. 2700 m trở lên.

Câu 19. Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở đai nhiệt đới gió mùa chân núi là

A. đất phù sa. B. đất feralit C. đất cát. D. đất mùn

Câu 20. Đất chủ yếu ở đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là

A. đất feralit trên đá vôi B. đất feralit trên đá badan.

C. đất feralit có mùn. D. đất xám phù sa cổ.

Câu 21: Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

 A. Cát Bà. B. Cái Bầu. C. Vĩnh Thực. D. Cồn Cỏ.

**MỨC 2. CÂU HỎI THÔNG HIỂU**

Câu 1. Sự phân hoá đại địa hình: vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hoá theo

A. Bắc - Nam. B. Đông - Tây. C. Độ cao. D. Bắc - Nam và Đông - Tây

Câu 2. Hệ sinh thái nào sau đây không thuộc đai nhiệt đới gió mùa chân núi?

A. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

B. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.

C. Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới phát triển trên đất feralit có mùn.

D. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới thường xanh trên đá vôi.

Câu 3. Khí hậu đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đặc điểm

A. mát mẻ, không có tháng nào trên 250C. B. mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình tháng trên 250C.

C. nhiệt độ quanh năm dưới 150C. D. nhiệt độ quanh năm trên 200C.

Câu 4. Đặc điểm khí hậu của đai ôn đới gió mùa trên núi là

A. mát mẻ, không có tháng nào trên 250C. B. mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình tháng trên 250C.

C. nhiệt độ quanh năm dưới 150C. D. nhiệt độ quanh năm trên 200C

Câu 5. Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc giảm sút, tính chất nhiệt đới tăng dần theo hướng nam.

B. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh tạo nên mùa đông lạnh.

C. có một mùa khô và mùa mưa rõ rệt.

D. gió phơn Tây Nam hoạt động rất mạnh.

Câu 6. Nguyên nhân quan trọng gây ra mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên là do

A. Thuộc khu vực cận xích đạo. B. Hoạt động của gió mùa Tây Nam.

C. Hoạt động của gió mùa Đông Bắc. D. Hoạt động của tín phong bắc bán cầu.

Câu 7. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi có

A. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế. B. hướng núi và thung lũng nổi bật là vòng cung.

C. đồng bằng châu thổ mở rộng về phía biển. D. đầy đủ ba đai cao khí hậu ở địa hình miền núi.

Câu 8. Khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đặc điểm là

A. gió mùa Đông Bắc đã bị biến tính và suy yếu.

B. không có gió mùa Đông Bắc hoạt động, nóng quanh năm.

C. gió mùa Đông Bắc đến sớm nhất và gây mưa vào mùa Đông.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh tạo nên một mùa Đông lạnh.

Câu 9. Khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là

A. gió mùa Đông Bắc đã bị biến tính và suy yếu.

B. không có gió mùa Đông Bắc hoạt động, nóng quanh năm.

C. gió mùa Đông Bắc đến muộn và gây mưa vào mùa Thu Đông.

D. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh tạo nên một mùa Đông lạnh

Câu 10. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đai ôn đới gió mùa trên núi do

A. có những núi trên 2600m tập trung nhiều ở dãy Hoàng Liên Sơn.

B. ở gần khu vực ngoại chí tuyến có cả khí hậu cận nhiệt và ôn đới.

C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông nhiệt độ hạ thấp.

D. có các loài động, thực vật ôn đới từ phía Bắc di lưu và di cư đến.

Câu 11. Nhận định nào *không* đúng về tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng núi vòng cung.

B. Có các thung lũng sông lớn, đồng bằng mở rộng.

C. Có sự thất thường trong nhịp điệu mùa của khí hậu.

D.Có nhiều cồn cát, đầm phá, bãi tắm đẹp.

Câu 12. Nét đặc trưng trong khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. mùa hè có gió Tây khô nóng. B. mùa đông lạnh, dài nhất cả nước.

C. có mùa khô sâu sắc nhưng không kéo dài. D. khí hậu phân chia thành hai mùa mưa và khô.

Câu 13. Nhận định nào *không* đúng về tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

A. Là miền duy nhất khí hậu phân hóa theo ba đai cao.

B. Có nhiều sơn nguyên và cao nguyên rộng lớn.

C. Gió mùa Đông Bắc giảm sút làm cho tính nhiệt đới tăng dần.

D. các loài nhiệt đới phát triển mạnh, nhất là các loài thú lớn.

Câu 14. Ở độ cao trên 2600m có khí hậu

A. nhiệt đới. B. cận nhiệt đới. C. ôn đới. D. xích đạo.

Câu 15. Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho thiên nhiên nước ta phân hoá theo (Bắc - Nam) là

A. Vị trí kéo dài trên nhiều vĩ độ. B. Hoạt động của gió mùa Đông Bắc.

C. Dãy Bạch Mã tạo ra bức chắn địa hình. D. Hoạt động của gió tín phong Đông Bắc.

Câu 16. Nguyên nhân không ảnh hưởng đến tính phân hóa theo chiều Bắc Nam của thiên nhiên nước ta?

A. Phạm vi hoạt động của gió mùa Đông Bắc. B. Dãy Bạch Mã tạo ra bức chắn địa hình.

C. Tiếp giáp với biển Đông, đường bờ biển dài. D.Vị trí của nước ta kéo dài trên nhiều vĩ độ.

Câu 17. Nguyên nhân quan trọng nhất tạo ra sự khác biệt của cảnh quan tự nhiên giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên ở nước ta?

A. Hướng của địa hình và chế độ gió mùa. B. Cấu trúc của địa hình nước ta thấp dần ra biển.

C. Hoạt động của gió mùa. D. Lãnh thổ nước ta phân hóa sâu sắc theo Đông Tây.

Câu 18. Đặc điểm nào không phải là đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc ở nước ta?

A. Mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa. B. Biên độ nhiệt độ nhỏ, tương đối điều hòa.

C. nhiệt độ trung bình trên 200C. D. Có từ 2-3 tháng nhiệt độ dưới 180C.

Câu 19. Đặc điểm nào không phải là đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Nam ở nước ta?

A. Kiểu khí hậu cận xích đạo. B. Đới rừng nhiệt đới gió mùa tiêu biểu.

C.Mùa mưa và mùa khô tiêu biểu. D. Các loài sinh vật có nguồn gốc phương Nam.

Câu 20. Đặc điểm nào không phải là đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Bắc ở nước ta?

A. Có các loại thú lông dày. B. Đới rừng nhiệt đới gió mùa tiêu biểu.

C. Có nhiều loài cây chịu hạn. D. Có mùa đông và mùa hạ khác biệt.

**MỨC 3. CÂU HỎI VẬN DỤNG THẤP**

Câu 1. Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác với Tây Bắc ở điểm

A. mùa đông bớt lạnh, nhưng khô hơn.

B. mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây, lượng mưa giảm.

C. mùa đông lạnh đến sớm hơn ở các vùng núi thấp.

D. khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình.

Câu 2. Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho mùa mưa ở đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ lệch về thu đông?

A. Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam, dải hội tụ nhiệt đới, áp thấp nhiệt đới và bão.

B. Tin phong bán cầu Bắc, gió fơn Tây Nam, bão, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.

C. Gió fơn Tây Nam, gió mùa Tây Nam, gió hướng đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và bão.

D. Gió mùa Đông Bắc, gió fơn Tây Nam, áp thấp, bão và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 3. Nguyên nhân quan trọng gây ra mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên là do

A. Thuộc khu vực cận xích đạo. B. Hoạt động của gió mùa Tây Nam.

C. Hoạt động của gió mùa Đông Bắc. D. Hoạt động của tín phong bắc bán cầu.

Câu 4. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở những đặc điểm nào sau đây?

A. Địa hình núi ưu thế, có nhiều cao nguyên và lòng chảo giữa núi.

B. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.

C. Ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc giảm, tính nhiệt đới tăng dần.

D. Mùa hạ chịu tác động mạnh của Tín phong, có đủ ba đại cao.

Câu 5: Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây ở vùng đồi núi nước ta chủ yếu do tác động của

A. gió mùa Đông Bắc và Tín phong bán cầu Bắc.

B. các dãy núi hướng tây bắc – đông nam và vòng cung.

C. gió mùa với hướng của các dãy núi.

D. địa hình phân hóa đa dạng.

Câu 6: Nguyên nhân phân hóa thiên nhiên theo độ cao là do sự thay đổi theo độ cao của

A. đất đai. B. sinh vật. C. khí hậu. D. sông ngòi.

**MỨC4. CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO**

Câu 1: Sự tương phản hai mùa mưa - khô của Đông Trường Sơn và Tây Nguyên vào thời kì thu - đông là do tác động của

A. Trường Sơn Bắc với gió phơn Tây Nam. B. Trường Sơn Nam với gió mùa Đông Bắc.

C. Trường Sơn Nam với Tín phong bán cầu Bắc. D. Trường Sơn Nam với Tín phong bán cầu Nam.

Câu 2. Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta vào mùa đông có nhiều biến động thời tiết chủ yếu do

 A. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc và hoạt động của frông.

 B. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và hướng của các dãy núi.

 C. hoạt động của frông, gió mùa Đông Bắc và các dãy núi vòng cung.

 D. vùng đồi núi rộng và Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của frông.

Câu 3. Trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

A. khí hậu thất thường, thời tiết có sự bất ổn định cao

B. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

C. bão lũ, trượt lở đất, hạn hán xảy ra thường xuyên

D. nạn cát bay, cát chảy lấn chiếm đồng ruộng

Câu 4. Mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên rất sâu sắc, vì trong mùa này

A. gió Mậu dịch nửa cầu Bắc thống trị. B. gió Mậu dịch nửa cầu Nam thống trị.

C. gió Tây Nam vịnh Tây Bengan thống trị. D. gió Đông Bắc hoàn toàn không ảnh hưởng.

Câu 5. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

A. nằm gần Xích đạo và hầu như không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc.

B. không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. C. tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.

D. chủ yếu có địa hình thấp.

Câu 6. Những khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất đai của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

A. thời tiết không ổn định. B. bão, lũ, trượt lở đất.

C. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô. D. Hạn hán, xói mòn, rửa trôi, ngập lụt.

Câu 7. Nhận định nào sau đây không phải là hệ quả của hoạt động gió mùa ở nước ta?

A. Tạo ra sự đối lập về mùa giữa Trường Sơn Đông và Tây Nguyên.

B. Miền Nam có hai mùa mưa và khô rõ rệt, mùa khô sâu sắc kéo dài.

C. Tạo cho khí hậu tương đối điều hòa và ổn định trên phạm vi cả nước.

D. Miền Bắc có mùa đông lạnh và khô, ít mưa; mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

Câu 8: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có biên độ nhiệt độ năm nhỏ chủ yếu do

A. trong năm có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh, địa hình đồi núi thấp.

B. tổng lượng bức xạ mặt trời lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

C. không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc, vị trí gần xích đạo.

D. chịu tác động mạnh của gió mùa Tây nam và Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 9. Khí hậu ven biển đồng bằng Bắc Trung Bộ khác với đồng bằng Nam bộ chủ yếu do

A. Vị trí gần chí tuyến, gió tây nam, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh

B. Thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí cách xa xích đạo

C. gió mùa tây nam, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, nằm gần chí tuyến.

D. Tín phong bán cầu Bắc, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gần xích đạo.

Câu 10. Vùng núi Đông Bắc của nước ta có chế độ nhiệt khác với vùng núi Tây Bắc chủ yếu do tác động của

A. địa hình núi cao, gió mùa Tây Nam. B. vị trí xa xích đạo và Tín phong bán cầu Bắc

C. hoàn lưu gió mùa và hướng các dãy núi. D. vị trí gần chí tuyến và địa hình nhiều đồi núi

Câu 11: Phần lãnh thổ phía Nam dãy Bạch Mã nước ta không có mùa đông lạnh chủ yếu do

A. vị trí giáp biển Đông, gió mùa Đông Bắc hoạt động yếu.

B. vị trí nằm gần xích đạo, nhận được lượng bức xạ rất lớn.

C.Tín phong thống trị, gió mùa Đông Bắc không ảnh hưởng.

D. nhận được lượng bức xạ lớn, gió mùa Đông Bắc biến tính.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây khôngđúng về sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao của nước ta?

A. Nhóm đất feralit chiếm phần lớn diện tích đai nhiệt đới gió mùa.

B. Ranh giới đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi miền Bắc thấp hơn miền Nam.

C.Các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya chỉ có ở độ cao trên 2600m.

D. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 13: Sự tương phản hai mùa mưa - khô của Đông Trường Sơn và Tây Nguyên vào thời kì thu - đông là do tác động của

A. Trường Sơn Bắc với gió phơn Tây Nam. B. Trường Sơn Nam với gió mùa Đông Bắc.

C. Trường Sơn Nam với Tín phong bán cầu Bắc. D. Trường Sơn Nam với Tín phong bán cầu Nam.

Câu 14: Những nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên sự giống nhau về tự nhiên giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A.Vị trí địa lí, hoàn lưu khí quyển và địa hình. B. Gió mùa, dải hội tụ nhiệt đới và địa hình.

C. Hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí, địa hình. D. Gió mùa Tây Nam, gió Tín phong, địa hình.

Câu 15: Thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và có sự phân hóa đa dạng là do ảnh hưởng của các nhân tố

A. vị trí địa lí, hình thể lãnh thổ, gió và địa hình. B. vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ và hướng núi.

C. tác động của Biển Đông và bức chắn địa hình. D. vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ và nguồn nước.

Câu 16. Nhận định nào sau đây không đúng với sự phân hóa thiên nhiên vùng đồi núi nước ta theo Đông - Tây?

 A. Đông Bắc là cận nhiệt đới gió mùa, vùng núi cao Tây Bắc là ôn đới gió mùa.

 B. Đông Bắc có mùa đông đến sớm, Tây Bắc có mùa đông đến muộn, ấm và khô hơn.

 C. Thời kì thu đông, sườn Đông Trường Sơn là mùa mưa thì Tây Nguyên là mùa khô.

 D. Khi Tây Nguyên đang vào mùa mưa thì bên sườn Đông Trường Sơn là mùa khô.

Câu 17. Khí hậu miền Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

 A. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.

 B. Tín phong Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.

 C. Tín phong bán cầu Bắc với địa hình dãy núi Trường Sơn Nam.

 D. gió hướng Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

Câu 18: Khí hậu miền Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của các yếu tố nào sau đây?

 A. Gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và độ cao địa hình.

 B. Vị trí địa lí, gió hướng Tây Nam và Tín phong bán cầu Bắc.

 C. Vị trí địa lí, gió hướng Đông Bắc và dải hội tụ nhiệt đới.

 D. Tín phong bán cầu Nam, Tín phong bán cầu Bắc và frông.

Câu 19: Nguyên nhân nào dưới đây làm cho đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc nước ta có độ cao trung bình thấp hơn so với miền Nam?

A. Không bị ảnh hưởng của gió Tây Nam.

B. Có lượng mưa trung bình năm lớn.

C. Nhiều dãy núi có hướng vòng cung.

D. Nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.

**PHẦN II: TỰ LUẬN**

1. Học từ bài 2 đến bài 12.

2. Nhận xét và giải thích bảng số liệu ở câu hỏi số 2,3 trang 44/SGK, câu hỏi 1 trang 50/SGK.

3.Cho bảng số liệu:

**NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CỦA HÀ NỘI VÀ TP HỒ CHÍ MINH**

*( Đơn vị: 0C)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình tháng I**  | **Nhiệt độ trung bình tháng VII**  | **Biên độ nhiệt trung bình năm** | **Nhiệt độ** **trung bình năm**  |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 | 12,5 | 23,5 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25,8 | 27,1 | 3,2 | 27,1 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam)*

Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích về nhiệt độ của hai địa điểm trên.

**ĐỀ MINH HỌA**

**ĐỀ 1:**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

**Câu 1:** Vùng biển nào sau đây của nước ta được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền?

**A.** Nội thủy. **B.** Lãnh hải. **C.** Đặc quyền kinh tế. **D.** Tiếp giáp lãnh hải.

**Câu 2:** Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ

**A.** đất liền và các hải đảo. **B**. đồi núi và đồng bằng. **C**. biên giới và hải đảo. **D**. vùng trời và vùng biển.

**Câu 3:** Vùng núi nào sau đây có địa hình cao nhất nước ta?

**A.** Đông Bắc**.** **B.** Tây Bắc**.** **C.** Trường Sơn Bắc**.** **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với Biển Đông?

**A**. Biển tương đối kín. **B**. Tính chất nhiệt đới ẩm. **C**. Là một biển rộng. **D**. Độ sâu đồng đều.

**Câu 5:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta thể hiện ở

**A.** nhiệt độ trung bình năm cao. **B**. mùa đông nhiệt độ hạ thấp.

**C**. cân bằng bức xạ luôn âm. **D**. tổng số giờ nắng rất thấp.

**Câu 6:**Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?
**A.** Mạng lưới dày đặc. **B.** Chế độ nước theo mùa.

**C.** Giàu phù sa. **D.** Chủ yếu là sông lớn.

**Câu 7:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng ven biển miền Trung?
**A.** Ven biển thường là dải cồn cát, đầm phá.

**B.** Được bồi đắp bởi phù sa sông là chủ yếu.

**C.** Phần nhiều hẹp ngang và chia làm ba dải.

**D.** Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ bởi các dãy núi.

**Câu 8:**Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào) là đới rừng
A. cận nhiệt đới gió mùa. B. ôn đới gió mùa.

C. nhiệt đới gió mùa. D. cận xích đạo gió mùa.

**Câu 9:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí hậu Đồng Hới thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

**A.** Đông Bắc Bộ. **B.** Tây Bắc Bộ. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 10:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc Miền khí hậu phía Bắc?

**A.** Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ. **C.** Nam Trung Bộ. **D.** Nam Bộ.

**Câu 11:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Lô thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

**A.** Sông Hồng. **B.** Sông Thái Bình. **C.** Sông Thu Bồn. **D.** Sông Mê Công.

**Câu 12:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây chiếm tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất ở nước ta?

**A.** Sông Hồng. **B.** Sông Mã. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Mê Công.

**Câu 13:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Cả đổ ra biển ở cửa nào sau đây?

**A.** Lạch Trường. **B.** Hội. **C.** Gianh. **D.** Nhật Lệ.

**Câu 14:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào sau đây phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu?

**A.** Đất phù sa sông. **B.** Đất phèn. **C.** Đất mặn. **D.** Đất cát biển.

**Câu 15:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia Mũi Cà Mau thuộc thảm thực vật nào sau đây?

**A.** Rừng kín thường xanh. **B.** Rừng thưa**.** **C.** Rừng tre nứa**.** **D.** Rừng ngập mặn.

**Câu 16**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm thuộc phân khu địa lí động vật nào sau đây?

**A.** Đông Bắc**.** **B.** Tây Bắc**.** **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Trung Trung Bộ.

**Câu 17:** Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên có

**A.** nền nhiệt độ cao, nhiều ánh nắng. **B.** vùng biển rộng với nhiều quần đảo.

**C.** mùa Đông lạnh, có nhiều tuyết rơi. **D.** nhiều đồi núi, có cả các dãy núi cao.

**Câu 18:** Khu vực Đồng bằng sông Hồng **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Đã được con người khai phá từ nhiều đời nay. **B.** Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

**C.** Phần lớn diện tích đồng bằng là đất cát, mặn. **D.** Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.

**Câu 19:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm vùng núi Tây Bắc?

**A.** Cao nhất nước ta, hướng núi chính tây bắc - đông nam.

**B.** Đặc trưng với các cánh cung, vòng cung ra phía đông.

**C.** Gồm các dãy núi song song và so le, thấp và hẹp ngang.

**D.** Gồm các khối núi và cao nguyên, bất đối xứng hai sườn.

**Câu 20:** Nhân tố nào sau đây quy định tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta?

**A.** Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương. **B.** Hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc**.**

**C.** Nằm gần trung tâm của khu vực châu Á gió mùa**.** **D.** Thuộc khu vực múi giờ số 7, tiếp giáp biển Đông.

**Câu 21:** Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam **không** có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Nhiệt độ trung bình năm trên 250C**.** **B.** Không tháng nào nhiệt độ dưới 200C**.**

**C.** Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. **D.** Phân chia thành hai mùa mưa và khô.

**Câu 22:** Nguồn hải sản của nước ta bị suy giảm rõ rệt do

**A**. khai thác tài nguyên quá mức. **B**. nước biển dâng, độ mặn giảm.

**C**. tăng cường việc nuôi trồng. **D**. gia tăng mưa bão trên biển.

**Câu 23:** Chế độ mưa thất thường đã làm cho sông ngòi nước ta có
**A.** chế độ dòng chảy thất thường. **B.** nhiều đợt lũ trong năm.
**C.** nhiều phù sa. **D.** tổng lượng nước lớn

**Câu 24**:Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với gió Tây Nam có nguồn gốc từ khối khí Bắc Ấn Độ Dương thổi vào nước ta ?
**A.** Gây khô hạn ở Tây Nguyên. **B.** Xuất phát từ vịnh Bengan.
**C.** Gây mưa lớn cho Nam Bộ. **D.** Thổi theo hướng tây nam.

**Câu 25:**  Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ gió ở trạm khí tượng TP. Hồ Chí Minh?

**A**. Gíó tháng 1 hoạt động mạnh nhất. **B**. Gió hoạt động đều trong cả năm.

**C**. Gió tháng 7 hoạt động mạnh nhất. **D**. Gió Tây khô nóng hoạt động mạnh.

**Câu 26:**  Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Hồng chảy theo hướng nào sau đây?

**A**. Tây bắc – đông nam. **B**. Đông bắc – tây nam.

**C**. Tây nam – đông bắc. **D**. Đông nam – tây bắc.

**Câu 27: Câu 34:** Cho bảng số liệu:
NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở HÀ NỘI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X | XI | XII |
| Nhiệt độ (oC) | 18,1  | 17,5  | 22,2  | 24,4  | 29,5  | 30,6  | 30,1  | 29,1  | 29,0  | 26,1  | 24,2  | 19,9 |
| Lượng mưa (mm) | 16,6  | 10,0  | 34,0  | 58,8  | 290,0  | 188,5  | 428,1  | 314,4  | 229,7  | 94,4  | 28,2  | 84,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê 2018)*

Để thể hiện nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất ?
**A.** Miền. **B.** Kết hợp. **C.** Tròn. **D.** Cột.

**Câu 28:** Cho biểu đồ:



Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây là đúng về lượng mưa của Huế và Hà Nội ?
**A.** Tháng mưa ít nhất của Huế là tháng 1.
**B.** Hà Nội mưa nhiều nhất vào tháng 12.
**C.** Mùa mưa của Huế đến chậm hơn Hà Nội.
**D.** Lượng mưa tháng cao nhất của HàNội lớn hơn Huế

**PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

**NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2019**

 **TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM**

*(Đơn vị: oC)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng****Địa điểm** | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Hà Nội (*Láng*)  | 18,0 | 22,4 | 22,6 | 27,5 | 28,2 | 31,6 | 31,4 | 29,9 | 29,5 | 26,7 | 23,5 | 19,6 |
| Cà Mau | 27,0 | 27,4 | 28,6 | 29,9 | 29,5 | 28,5 | 28,2 | 27,6 | 27,9 | 27,9 | 27,8 | 26,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Tính nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm của 2 địa điểm trên.

**Câu 2:** Phân tích đặc điểm sinh vật miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

**Câu 3:** Tại sao ở Bắc Bộ mùa khô không sâu sắc như Nam Bộ?

**-------------HẾT ----------**

**ĐỀ 2:**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

Câu 1: Quá trình feralit ở nước ta diễn ra mạnh ở vùng nào sau đây?
A. Đồi núi thấp. B. Núi cao. C. Đồng bằng ven biển. D. Đồng bằng châu thổ sông.
Câu 2: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết tỉnh nào sau đây không có chung đường biên giới trên đất liền với Trung Quốc?
A. Lào Cai. B. Lạng Sơn. C. Tuyên Quang. D. Cao Bằng.
Câu 3: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với chế độ nhiệt của Lạng Sơn so với Nha Trang?
A. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn. B. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.
C. Nhiệt trung bình tháng VII cao hơn. D. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ hơn.
Câu 4: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra) là đới rừng
A. cận nhiệt đới gió mùa. B. ôn đới gió mùa.

C. nhiệt đới gió mùa. D. cận xích đạo gió mùa.
Câu 5: Cấu trúc địa hình nước ta gồm hai hướng chính là
A. đông bắc - tây nam và vòng cung. B. tây nam - đông bắc và vòng cung.
C. bắc - tây bắc và vòng cung. D. tây bắc - đông nam và vòng cung.
Câu 6: Hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển nước ta có diện tích lớn, tập trung nhiều nhất ở vùng
A. Đồng bằng sông Hồng. B. ven biển Nam Trung Bộ.
C. ven biển Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.
Câu 7: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông nào sau đây không thuộc hệ thống sông Hồng?
A. Sông Lô. B. Sông Mã. C. Sông Gâm. D. Sông Chảy.
Câu 8: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây có hướng vòng cung?
A. Pu Đen Đinh. B. Hoàng Liên Sơn. C. Ngân Sơn. D. Trường Sơn Bắc.
Câu 9: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết biểu đồ khí hậu nào trong số các địa điểm sau đây có biên độ nhiệt năm cao nhất?
A. TP. Hồ Chí Minh. B. Hà Nội. C. Nha Trang. D. Cà Mau.
Câu 10: Điểm nào sau đây không đúng với địa hình vùng núi Tây Bắc?
A. Có các cao nguyên ba dan bằng phẳng. B. Có ba dải địa hình hướng tây bắc - đông nam.
C. Núi có độ cao nhất nước ta. D. Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.
Câu 11: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng với địa hình của khu vực Nam Bộ?
A. Có nhiều đảo, quần đảo. B. Thềm lục địa nông và rộng.
C. Bờ biển dài, rất khúc khuỷu. D. Đồng bằng thấp và rộng lớn.
Câu 12: Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là vùng
A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải C. nội thủy. D. đặc quyền kinh tế.
Câu 13: Vùng núi có các thung lũng sông lớn cùng hướng tây bắc - đông nam điển hình là
A. Trường Sơn Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Nam. D. Tây Bắc.
Câu 14: Cho biết điểm cực Tây của nước ta thuộc phạm vi lãnh thổ của tỉnh nào sau đây?
A. Điện Biên. B. Hà Giang. C. Cà Mau. D. Khánh Hòa.
Câu 15: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất
A. ôn đới gió mùa. B. nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. cận xích đạo gió mùa. D. cận nhiệt đới gió mùa.
Câu 16: Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là
A. đồi núi thấp chiếm ưu thế. B. nghiêng theo hướng tây bắc - đông nam.

C. có nhiều khối núi cao đồ sộ. D. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên.

Câu 17: Cho bảng số liệu:

 LƯỢNG MƯA, LƯỢNG BỐC HƠI VÀ CÂN BẰNG ẨM MỘT SỐĐỊA ĐIỂM

# (Đơn vị: mm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Lượng mưa** | **Lượng bốc hơi** | **Cân bằng ẩm** |
| Hà Nội | 1676 | 989 | + 687 |
| Huế | 2868 | 1000 | + 1868 |
| TP. Hồ Chí Minh | 1931 | 1686 | + 245 |

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên? *(Nguồn: SGK Địa lí 12, NXBGD Việt Nam*)

**A.** Huế có lượng mưa lớn nhất. **B.** Hà Nội có lượng bốc hơi lớn nhất.

**C.** Hà Nội có cân bằng ẩm lớn hơn Huế. **D.** Hà Nội có lượng mưa lớn hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 18: Cho bảng số liệu:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | **I** | **II** | **III** | **IV** | **V** | **VI** | **VII** | **VIII** | **IX** | **X** | **XI** | **XII** |
| Hà Nội | 18,1 | 17,5 | 22,7 | 24,4 | 29,5 | 30,6 | 30,1 | 29,1 | 29,0 | 26,1 | 24,2 | 19,9 |
| Vũng Tàu | 26,5 | 26,1 | 27,6 | 28,7 | 29,8 | 28,5 | 28,1 | 28,1 | 28,1 | 28,2 | 27,8 | 27,6 |

Để thể hiện nhiệt độ trung bình tháng của Hà Nội và Vũng Tàu, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Đường. **B.** Kết hợp. **C.** Miền. **D.** Tròn.

**Câu 19:** Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ nhiệt, chế độ mưa của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh?
**A.** Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh.
**B.** Tháng có lượng mưa cao nhất ở thành phố Hồ Chí Minh là tháng IX.
**C.** Lượng mưa cả năm của Hà Nội thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh.
**D.** Biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội nhỏ hơn thành phố Hồ Chí Minh

Câu 20: Vùng sản xuất muối nổi tiếng Sa Huỳnh thuộc tỉnh nào sau đây ở nước ta?
A. Quảng Ngãi. B. Phú Yên. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.
Câu 21: Thời gian chịu tác động chủ yếu của gió mùa Đông Bắc ở nước ta diễn ra
A. từ tháng XI đến tháng IV năm sau. B. từ tháng V đến tháng X.
C. từ tháng IV đến tháng XI. D. từ tháng XII đến tháng V năm sau.
Câu 22: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa vào tháng IX ở Trung Bộ nước ta là
A. gió phơn và dải hội tụ nhiệt đới. B. dải hội tụ nhiệt đới và Tín phong bán cầu Bắc.
C. gió Tây Nam và Tín phong bán cầu Bắc. D. gió Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.
Câu 23: Hiện tượng cát bay, cát chảy thường xảy ra phổ biến ở vùng biển
A. Đông Nam Bộ. B. miền Bắc. C. miền Trung. D. Tây Nam Bộ.
Câu 24: Dầu khí nước ta hiện đang được khai thác chủ yếu ở
A. thềm lục địa Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. thềm lục địa Bắc Bộ.
Câu 25: Nơi có sự đối lập nhau rõ rệt về hai mùa mưa và khô là
A. miền Bắc và miền Nam. B. Nam Bộ và Tây Nguyên.
C. Duyên hải Trung Trung Bộ và Tây Nguyên. D. miền Nam và miền Trung.
Câu 26: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh ở nước ta thường hình thành ở
A. vùng núi thấp, mưa nhiều, ẩm và mùa khô không rõ.

B. vùng đồng bằng ven biển, phân hóa mùa mưa - khô rõ rệt.
C. vùng núi cao, nằm trong các thung lũng khuất gió.

D. nơi khí hậu mưa nhiều, có phân hóa 2 mùa mưa - khô rõ rệt.

**Câu 29:** Mùa đông ở khu vực Đông Bắc nước ta thường

**A.** đến sớm và kết thúc muộn. **B.** đến muộn và kết thúc muộn.
**C.** đến sớm và kết thúc sớm. **D.** đến muộn và kết thúc sớm.
**Câu 30:** Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do phụ thuộc vào
**A.** sự đa dạng của hệ thống sông. **B.** hoạt động của bão.

**C.** hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới. **D.** chế độ mưa mùa

**PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1:** Nêu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tới sản xuất nông nghiệp của nước ta.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu:

**NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CỦA HÀ NỘI VÀ TP HỒ CHÍ MINH**

*( Đơn vị: 0C)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Nhiệt độ trung bình tháng I**  | **Nhiệt độ trung bình tháng VII**  | **Nhiệt độ** **trung bình năm**  |
| Hà Nội | 16,4 | 28,9 | 23,5 |
| TP. Hồ Chí Minh | 25,8 | 27,1 | 27,1 |

*(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí lớp 12, NXB Giáo dục Việt Nam)*

Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét về nhiệt độ của hai địa điểm trên.

**Câu 3:** Tại sao giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ đối lập về mùa mưa và mùa khô?